

Trang tôi

Bắt đầu trong phân tích kỹ thuật

Bắt đầu trong sê-ri

Bắt đầu phân bổ tài sảncủa Bill Bresnan và Eric P. Gelb

Bắt đầu đầu tư trực tuyếncủa David L. Brown và Kassandra Bentley

Bắt đầu với cổ phiếubởi Alvin D. Sảnh

Bắt đầu phân tích chứng khoánbởi Peter J. Klein

Bắt đầu trong tương laicủa Todd Lofton

Bắt đầu trong phân tích kỹ thuậtcủa Jack D. Schwager

Bắt đầu trong Tùy chọncủa Michael C. Thomsett

Bắt đầu đầu tư vào bất động sảncủa Michael C. Thomsett và Jean Freestone Thomsett

Bắt đầu trong Annuitiesbởi Gordon M. Williamson

Bắt đầu với trái phiếubởi Sharon Saltzgiver Wright

Sắp ra mắt...

Bắt đầu trong các quỹ tương hỗbởi Alvin D. Sảnh

Bắt đầu đầu tư vào quỹ 401(k)bởi Paul Katzeff

Bắt đầu với thông tin tài chínhbởi Daniel Moreau

Bắt đầu trong phân tích kỹ thuật

Jack D. Schwager



John Wiley & Sons, Inc.

New York • Chichester • Weinheim • Brisbane • Singapore • Toronto

Cuốn sách này được in trên giấy không có axit.



Bản quyền © 1999 của Jack D. Schwager. Đã đăng ký Bản quyền.

Được xuất bản bởi John Wiley & Sons, Inc.

Xuất bản đồng thời ở Canada.

TradeStation® là nhãn hiệu đã đăng ký của Omega Research, Inc.

Không phần nào của ấn phẩm này có thể được sao chép, lưu trữ trong hệ thống truy xuất hoặc truyền dưới bất kỳ hình thức nào hoặc bằng bất kỳ phương tiện nào, điện tử, cơ khí, sao chụp, ghi âm, quét hoặc bằng cách khác, trừ khi được cho phép theo Mục 107 hoặc 108 của Hiệp hội Thông tin Hoa Kỳ năm 1976 Đạo luật Bản quyền của các Bang mà không có sự cho phép trước bằng văn bản của Nhà xuất bản hoặc sự ủy quyền thông qua việc thanh toán phí sao chép thích hợp cho Trung tâm Giải phóng mặt bằng Bản quyền, 222 Rosewood Drive, Danvers, MA 01923, (978) 7508400, fax (978) 7504744. Yêu cầu gửi cho Nhà xuất bản để xin phép phải được gửi tới Phòng Cấp phép, John Wiley & Sons, Inc., 605 Third Avenue, New York, NY 101580012, (212) 8506011, fax (212) 8506008, Email: PERMREQ@WILEY.COM .

Ấn phẩm này được thiết kế để cung cấp thông tin chính xác và có thẩm quyền liên quan đến chủ đề được đề cập. Nó được bán với sự hiểu biết rằng nhà xuất bản không tham gia vào việc cung cấp các dịch vụ chuyên nghiệp. Nếu cần tư vấn chuyên nghiệp hoặc hỗ trợ chuyên gia khác, nên tìm kiếm các dịch vụ của một người chuyên nghiệp có thẩm quyền.

Dữ liệu Biên mục của Thư viện Quốc hội:

Schwager, Jack D., 1948—

Bắt đầu phân tích kỹ thuật / Jack D. Schwager

p. cm.—(Bắt đầu vào)

Bao gồm chỉ mục.

ISBN 0471295426 (pbk.:alk. paper)

1. Dự báo giá cổ phiếu. 2. Phân tích đầu tư. 3. Cổ phiếu—Biểu đồ, sơ đồ, v.v. I. Tiêu đề. II. Loạt.

HG4637.S37 1998

332.63'222—dc21

9823565

In tại Hoa Kỳ.

10 9 8 7 6 5 4 3 2

NỘI DUNG

lời nói đầu	vii
Giới thiệu: Cuộc tranh luận lớn về Phân tích Cơ bản và Phân tích Kỹ thuật	1
Phần thứ nhất: Công cụ phân tích cơ bản	5
Chương 1 Biểu đồ: Công cụ dự báo hay văn hóa dân gian?	7
chương 2 Các loại biểu đồ	17
Chương 3 Xu hướng	33
Chương 4 Phạm vi giao dịch và hỗ trợ và kháng cự	51
Chương 5 Mẫu biểu đồ	73
Chương 6 Dao động	110
Chương 7 Phân tích biểu đồ có còn giá trị không?	120
Phần thứ hai: Các vấn đề giao dịch	127
Chương 8 Mục nhập xu hướng giữa và Kim tự tháp	129

Chương 9 Chọn điểm StopLoss	136
Chương 10 Đặt mục tiêu và tiêu chí thoát khỏi vị trí khác	143
chương 11 Quy tắc quan trọng nhất trong phân tích biểu đồ	152
Chương 12 Phân tích biểu đồ thể giới thực	178
Phần thứ ba: Hệ thống giao dịch	219
Chương 13 Phần mềm lập biểu đồ và phân tích	221
Chương 14 Hệ thống giao dịch kỹ thuật: Cấu trúc và thiết kế	226
Chương 15 Thử nghiệm và Tối ưu hóa Hệ thống Giao dịch	253
Phần thứ tư: Nguyên tắc giao dịch thực tế	275
Chương 16 Phương pháp giao dịch theo kế hoạch	277
Chương 17 Quy tắc giao dịch EightyTwo và quan sát thị trường	288
Chương 18 Market Wiz(ar)dom	299
ruột thùng	315
Các khái niệm và công thức bổ sung	
Bảng chú giải	325
Mục lục	333

LỜI NÓI ĐẦU

Thành công trong giao dịch không thể gói gọn trong một chỉ số, công thức hoặc hệ thống đơn giản—bất chấp những tuyên bố của vô số sách, quảng cáo và tài liệu quảng cáo. Cuốn sách này được viết bởi một nhà giao dịch, từ quan điểm của một nhà giao dịch, chứ không phải là một bản tóm tắt khác về các kỹ thuật, chỉ báo hoặc hệ thống phân tích, sử dụng các hình minh họa được lý tưởng hóa.

Khi giải thích các kỹ thuật và phương pháp phân tích khác nhau, tôi đã cố gắng đặt ra những câu hỏi quan trọng hàng đầu mà những người viết sách về phân tích kỹ thuật thường bỏ qua: Làm thế nào các phương pháp được mô tả có thể được áp dụng trong giao dịch thực tế? Điều gì hiệu quả và không hiệu quả trong thế giới thực? Ý nghĩa của sự thất bại của một phương pháp là gì? Làm thế nào các hệ thống giao dịch có thể được thiết kế và thử nghiệm để tối đa hóa *tương lai* hiệu suất hơn là của *hợp đồng* hiệu suất?

Đây là một cuốn sách thực tế. Tôi đã sử dụng nhiều phương pháp được mô tả trong tập này để xây dựng một phương pháp giao dịch rất có lợi nhuân—vâng, bằng tiền thật. Tại sao sau đó tôi sẵn sàng chia sẻ thông tin này? Bởi vì, để sử dụng một phép ẩn dụ về tòa nhà, tôi đang cung cấp các công cụ, nhưng không cung cấp thiết kế kiến trúc—việc này dành cho từng độc giả. Tôi tin rằng những độc giả nghiêm túc trong việc sử dụng phân tích kỹ thuật để trở thành những nhà giao dịch thành công hơn và những người hiểu rằng mục tiêu này đòi hỏi nỗ lực của từng cá nhân sẽ tìm thấy nhiều điều hữu ích ở đây.

JACK D. SCHWAGER

Trừ khi có quy định khác, các biểu đồ trong cuốn sách này được sao chép với sự cho phép của Prudential Securities, Inc.

GIỚI THIỆU CUỘC TRANH LUẬN LỚN CƠ BẢN SO VỚI PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

Tuy nhiên, điều kỳ lạ là người kỹ thuật viên hư hỏng không bao giờ xin lỗi về phương pháp của mình. Nếu bắt cứ điều gì, anh ấy nhiệt tình hơn bao giờ hết. Nếu bạn mắc lỗi xã hội khi hỏi anh ta tại sao anh ta phá sản, anh ta sẽ nói với bạn một cách khá khéo léo rằng anh ta đã mắc một sai lầm hoàn toàn của con người là không tin vào biểu đồ của chính mình. Tôi vô cùng xấu hổ, có lần tôi đã bị nghe một cách rõ ràng tại bàn ăn tối của một người bạn biểu đồ của tôi khi anh ấy đưa ra nhận xét như vậy. Kể từ đó, tôi đã đặt ra một quy tắc là không bao giờ đi ăn với một người biểu đồ. Nó không tốt cho tiêu hóa.

—Burton G. Malkiel, *Bước Đi Ngẫu Nhiên Xuống Phố Wall*

Một buổi tối nọ, khi đang ăn tối với một người theo trào lưu chính thống, tôi vô tình làm rơi một con dao sắc nhọn ra khỏi mép bàn. Anh quan sát con dao xoay tròn trong không khí, khi nó dừng lại với phần đầu nhọn cắm vào trong giày anh. "Tại sao bạn không di chuyển chân của bạn?" Tôi kêu lên. "Tôi đang đợi nó quay trở lại," anh ta trả lời.

—Ed Seykota (một kỹ thuật viên nổi tiếng)

Hầu hết các nhà đầu cơ, đặc biệt là những người hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực chứng khoán, đã quen với việc giao dịch từ góc độ cơ bản. Phân tích cơ bản liên quan đến việc sử dụng dữ liệu kinh tế—ví dụ: tỷ số P/E hoặc giá trị sổ sách trong trường hợp dự trữ, hoặc báo cáo vụ mùa hoặc số liệu xuất nhập khẩu trong trường hợp hàng hóa tương lai—để dự đoán giá, hoặc tương đương, để đánh giá liệu một thị trường được định giá quá cao hoặc bị định giá thấp.

Phân tích kỹ thuật, bằng cách so sánh, là nghiên cứu về hoạt động giá cả - cụ thể hơn là mô hình giá - để xác định các cơ hội thương mại thuận lợi.

cà vạt. Cơ sở logic cho cách tiếp cận này có hai yếu tố chính. Đầu tiên, giá của một cổ phiếu, hàng hóa hoặc tương lai tài chính cụ thể phản ánh tất cả thông tin có thể biết được về tài sản đó tại bất kỳ thời điểm nào và ý kiến của tất cả những người tham gia thị trường về thông tin đó. Thứ hai, thông tin cơ bản và quan điểm thị trường được phản ánh bởi giá sẽ dẫn đến các mô hình giá định kỳ cung cấp mạnh mẽ cho tiềm năng *tương lai* chuyển động giá cả. Do đó, bằng cách phân tích các mẫu giá lịch sử, nhà phân tích kỹ thuật tìm kiếm hành vi giá cho thấy khả năng bắt đầu, kết thúc hoặc tiếp tục của một xu hướng.

Phương pháp nào—phân tích cơ bản hay phân tích kỹ thuật—tốt hơn? Câu hỏi này là chủ đề của cuộc tranh luận lớn. Thật thú vị, các chuyên gia không kém phần chia rẽ về vấn đề này so với những người mới làm quen. Trong một cuốn sách mà tôi đã phỏng vấn một số nhà giao dịch giỏi nhất thế giới (*Phù thủy thị trường*, Học viện Tài chính New York, 1988, và *Phù thủy thị trường mới*, HarperBusiness, 1992), tôi đã bị ấn tượng bởi những quan điểm rất khác nhau về vấn đề này.

Jim Rogers là đặc trưng của một thái cực của quang phổ. Trong những năm 1970, Jim Rogers và George Soros là hai người đứng đầu Quỹ Quantum, có lẽ là quỹ thành công nhất của Phố Wall thời bấy giờ. Năm 1980, Rogers rời quỹ để thoát khỏi trách nhiệm quản lý và dành toàn bộ thời gian để quản lý các khoản đầu tư của chính mình - một nỗ lực mà ông lại chứng tỏ thành công ngoạn mục. (Quỹ Quantum tiếp tục duy trì hoạt động xuất sắc của mình dưới sự điều hành của George Soros.) Trong những năm qua, Rogers đã được ghi nhận với tỷ lệ dự đoán thị trường chính xác cao. Chỉ lấy một ví dụ, trong cuộc phỏng vấn của tôi với ông ấy năm 1988, Rogers đã dự đoán chính xác cả sự sụp đổ ồ ạt của thị trường chứng khoán Nhật Bản và xu hướng giảm giá vàng kéo dài nhiều năm. Rõ ràng, Jim Rogers là một người có quan điểm đáng được quan tâm nghiêm túc.

Khi tôi hỏi Rogers về quan điểm của anh ấy đối với việc đọc biểu đồ (phương pháp phân tích kỹ thuật cổ điển), anh ấy trả lời: "Tôi chưa gặp một kỹ thuật viên giàu có nào. Tất nhiên là loại trừ những kỹ thuật viên bán dịch vụ của họ và kiếm được nhiều tiền." Phản ứng hoài nghi đó đã tóm tắt ngắn gọn quan điểm của Rogers về phân tích kỹ thuật.

Marty Schwartz là một nhà giao dịch có ý kiến trái chiều. Vào thời điểm chúng tôi phỏng vấn, Schwartz, một nhà giao dịch hợp đồng tương lai chỉ số chứng khoán độc lập, đang xem xét việc quản lý tiền từ bên ngoài. Cùng với cam kết này, anh ấy vừa được kiểm toán hồ sơ theo dõi cá nhân và anh ấy cho phép tôi xem kết quả. Trong khoảng thời gian 10 năm trước đó, anh ta đã đạt được mức lợi nhuận trung bình là 25% mỗi tháng! Ấn tượng không kém, trong khoảng thời gian 120 tháng này, ông chỉ chứng kiến hai tháng thua lỗ với mức giảm rất nhỏ là 2% và 3%. Một lần nữa, đây là một cá nhân có quan điểm về thị trường đòi hỏi sự tôn trọng nghiêm túc.

Mặc dù tôi đã không đề cập đến những nhận xét của Rogers với Schwartz, nhưng khi tôi hỏi Schwartz liệu anh ấy đã thực hiện một sự chuyển đổi hoàn toàn từ funda hay chưa.

tinh thần đến phân tích kỹ thuật (Schwartz đã bắt đầu sự nghiệp tài chính của mình với tư cách là một nhà phân tích chứng khoán), câu trả lời của anh ấy gần giống như một lời bác bỏ trực tiếp đối với Jim Rogers. "Tuyệt đối. Tôi luôn cười với những người nói, 'Tôi chưa bao giờ gặp một kỹ thuật viên giàu có'. Tôi thích nó! Đó là một phản ứng kiêu ngạo, vô nghĩa. Tôi đã sử dụng các nguyên tắc cơ bản trong chín năm và trở nên giàu có với tư cách là một kỹ thuật viên."

Ở đó bạn có nó. Hai người tham gia thị trường cực kỳ thành công có quan điểm trái ngược nhau về hiệu quả của phân tích cơ bản so với phân tích kỹ thuật.
Bạn tin ai?

Theo đánh giá của riêng tôi, cả quan điểm của Rogers và Schwartz đều chứa đựng những yếu tố của sự thật. Có thể thành công với tư cách là một nhà giao dịch bằng cách trở thành một người theo chủ nghĩa cơ bản thuần túy, một kỹ thuật viên thuần túy hoặc kết hợp cả hai. Hai phương pháp chắc chắn không loại trừ lẫn nhau. Trên thực tế, nhiều nhà giao dịch thành công nhất thế giới sử dụng phân tích cơ bản để xác định hướng thị trường nơi giao dịch và phân tích kỹ thuật để thời gian vào và ra của các giao dịch như vậy.

Một đặc điểm gần như phổ biến mà tôi tìm thấy ở các nhà giao dịch thành công là họ đã bị thu hút bởi một cách tiếp cận phù hợp nhất với tính cách của họ. Một số nhà giao dịch thích cách tiếp cận dài hạn hơn, trong khi những người khác nghiêng về giao dịch trong ngày; một số nhà giao dịch chỉ cảm thấy thoải mái khi tuân theo các tín hiệu do chương trình máy tính tự động tạo ra, trong khi những người khác thấy phương pháp máy móc như vậy là không phù hợp; một số nhà giao dịch phát triển mạnh trong bối cảnh như hỗn loạn của một thị trường chứng khoán. Exchange, trong khi những người khác chỉ thành công nếu quyết định của họ được đưa ra trong sự yên tĩnh của một văn phòng yên tĩnh; và một số nhà giao dịch thấy phân tích cơ bản là một cách tiếp cận tự nhiên, trong khi những người khác dựa vào các phương pháp kỹ thuật theo bản năng, và những người khác vẫn kết hợp cả hai.

Sự thật là trong khi phân tích kỹ thuật và phân tích cơ bản theo truyền thống được coi là hai cực đối lập, thì về nguyên tắc, chúng có liên quan chặt chẽ hơn mức mà những người ủng hộ ồn ào nhất ở cả hai phe sẽ khiến bạn tin tưởng. Phần lớn, các kỹ thuật viên không bác bỏ sự liên quan của các yếu tố cơ bản; họ chỉ đơn giản tin rằng dữ liệu giá kết hợp và phản ánh các yếu tố này, và cách tốt nhất để hiểu tác động của chúng đối với hành vi thị trường là phân tích giá. Sự khác biệt chính giữa hai cách tiếp cận là phân tích cơ bản liên quan đến *Tại sao* của hành vi thị trường, trong khi phân tích kỹ thuật quan tâm nhiều hơn đến *khi*.

Về cơ bản, không có câu trả lời chung cho câu hỏi: Cái nào tốt hơn, phân tích cơ bản hay phân tích kỹ thuật? Rất đơn giản, nó phụ thuộc vào từng cá nhân. Đối với một số người, phân tích cơ bản cung cấp cách tiếp cận thoải mái và hiệu quả nhất; đối với những người khác, phân tích kỹ thuật là phương pháp ưa thích; và đối với những người khác, quy trình tối ưu là sự kết hợp của cả hai. Trên thực tế, việc kết hợp phân tích cơ bản với phân tích kỹ thuật có thể mang lại một cách tiếp cận đặc biệt hiệu quả và thực sự mô tả phương pháp chung được sử dụng bởi một số nhà giao dịch thành công nhất thế giới. Mỗi cá nhân phải xác định cách tiếp cận tự nhiên của mình.

PHẦN MỘT- **CÔNG CỤ PHÂN TÍCH CƠ BẢN**

Chương 1-

Biểu đồ:

Công cụ dự báo hay văn hóa dân gian?

Thông thường không phải là quá phổ biến.

—Voltaire

Có một câu chuyện về một nhà đầu cơ khao khát trở thành người chiến thắng càng lớn sau mỗi lần thất bại liên tiếp. Anh ấy đã thử phân tích cơ bản, phân tích biểu đồ, hệ thống giao dịch trên máy vi tính và thậm chí là một số kỹ thuật bí truyền, từ đếm sóng đến chiêm tinh học. Mặc dù mỗi cách tiếp cận này có vẻ hoạt động tốt trên lý thuyết, nhưng khi anh ấy bắt đầu đặt các giao dịch thực tế dựa trên các phương pháp này thì một điều kỳ lạ đã xảy ra: Các vị trí bán khống của anh ấy dường như chắc chắn sẽ được theo sau bởi các thị trường giá lên cao ngất ngưởng và các xu hướng tăng ổn định có xu hướng đảo ngược một cách kỳ lạ, nhiên sau khi anh đi lâu. Sau nhiều năm thất vọng, cuối cùng anh đã bỏ cuộc trong sự bức tức.

Chính tại thời điểm này, anh nghe nói về một đạo sư nổi tiếng sống trên một ngọn núi xa xôi ở dãy Hy Mã Lạp Sơn và người đã trả lời các câu hỏi của tất cả những người hành hương tìm kiếm anh ta.

Nhà giao dịch lên máy bay đến Nepal, thuê hướng dẫn viên và bắt đầu chuyến hành trình kéo dài hai tháng. Cuối cùng, hoàn toàn kiệt sức, anh đến gặp đạo sư nổi tiếng.

"Ôi Người khôn ngoan," anh ta nói, "Tôi là một người đàn ông thất vọng. Trong nhiều năm, tôi đã tìm kiếm chìa khóa để giao dịch thành công, nhưng mọi thứ tôi đã thử đều thất bại. Bí quyết là gì?"

Vị đạo sư chỉ dừng lại một lúc, và chăm chú nhìn vị khách của mình, rồi trả lời, "BLASH." Anh không nói nữa.

"Chớp nhoáng?" Thương nhân trả về nhả. Anh không hiểu câu trả lời. Nó lấp đầy tâm trí anh mỗi khi thức dậy, nhưng anh không thể hiểu được nó.

nghĩa. Anh ấy lặp lại câu chuyện cho nhiều người nghe, cho đến khi cuối cùng một người nghe giải thích câu trả lời của đạo sư.

"Nó khá đơn giản," anh nói. "Mua thấp và bán cao."

Thông điệp của bậc thầy có khả năng làm thất vọng những độc giả đang tìm kiếm chìa khóa để giao dịch khôn ngoan. BLASH không thỏa mãn khái niệm của chúng tôi về cái nhìn sâu sắc, bởi vì nó dường như là một vấn đề của lẽ thường. Tuy nhiên, nếu, như Voltaire đề xuất, "Lẽ thường không quá phổ biến," thì điều đó cũng không hiển nhiên. Ví dụ, hãy xem xét câu hỏi sau: Ý nghĩa giao dịch của một thị trường đạt mức cao mới là gì? Lý thuyết BLASH "thông thường" sẽ chỉ ra một cách rõ ràng rằng hoạt động giao dịch tiếp theo nên được giới hạn ở phía bán.

Rất có thể, một tỷ lệ lớn các nhà đầu cơ sẽ cảm thấy thoải mái với cách giải thích này. Có lẽ sự hấp dẫn của phương pháp BLASH gắn liền với mong muốn của hầu hết các nhà giao dịch là thể hiện tài năng của họ. Xét cho cùng, bất kỳ kẻ ngốc nào cũng có thể mua thị trường sau một xu hướng tăng dài, nhưng cần phải có thiên tài để làm mờ dần xu hướng và chọn một đỉnh. Trong mọi trường hợp, rất ít phản ứng giao dịch mang tính bắn nồng như xu hướng mua khi giá thấp và bán khi giá cao.

Kết quả là, nhiều nhà đầu cơ có khuynh hướng ủng hộ phe bán khi thị trường giao dịch ở mức cao mới. Chỉ có một điều sai với cách tiếp cận này: nó không hoạt động. Tại sao? Bởi vì khả năng thị trường đạt được và duy trì mức cao mới thường là bằng chứng về các lực cơ bản mạnh mẽ thường đẩy giá cao hơn nhiều. Ý thức chung? Chắc chắn. Nhưng lưu ý rằng ý nghĩa giao dịch hoàn toàn ngược lại với ý nghĩa của phương pháp BLASH "thông thường".

Điểm mấu chốt của tất cả những điều này là nhiều bắn nồng hợp lý của chúng ta về hành vi thị trường là sai. Phân tích biểu đồ cung cấp một phương tiện để đạt được ý thức chung trong giao dịch—một mục tiêu khó nắm bắt hơn nhiều so với âm thanh của nó. Ví dụ: nếu trước khi bắt đầu giao dịch, một cá nhân đã nghiên cứu kỹ lưỡng biểu đồ giá lịch sử để xác định hậu quả của việc thị trường đạt mức cao mới, thì người đó sẽ có lợi thế lớn trong việc tránh được một trong những cạm bẫy phổ biến đang chờ đợi nhà giao dịch mới làm quen. Tương tự như vậy, những sự thật khác về thị trường có thể được thu thập thông qua nghiên cứu cẩn thận về các mô hình giá lịch sử.

Tuy nhiên, phải thừa nhận rằng tính hữu ích của các biểu đồ như là một chỉ báo *về tương lai* không phải là một chủ đề gây tranh cãi gay gắt. Thay vì liệt kê những ưu và nhược điểm của lập luận này, chúng tôi lưu ý rằng một tập giàn dây của một bộ phim truyền hình nổi tiếng về thị trường tài chính đã nhấn mạnh một cách ngắn gọn một số vấn đề chính trong cuộc tranh luận này.

NGƯỜI ĐIỀU HÀNH: Xin chào, tôi là Louis Puneyser của *Tuần phổi V.I.*Tôi nay chúng ta sẽ rời khỏi hình thức phỏng vấn bình thường để

cung cấp một diễn đàn cho một cuộc tranh luận về tính hữu ích của biểu đồ giá cả hàng hóa. Tất cả những đường và hoa văn ngoạn mục có thực sự dự đoán được tương lai không? Hay mô tả về cuộc sống của Shakespeare cũng thích hợp để phân tích biểu đồ: "một câu chuyện được kể bởi một thằng ngốc, đầy âm thanh và giận dữ, chẳng có ý nghĩa gì"? Khách mời của chúng ta tối nay là Faith N. Trend, một nhà phân tích kỹ thuật nổi tiếng của công ty Churnum & Burnum ở Phố Wall, và Philip A. Coin, giáo sư tại Đại học Ivory Tower và là tác giả của *Cách duy nhất để đánh bại thị trường – Trở thành một nhà môi giới*. Giáo sư Coin, ông thuộc về một nhóm có tên là Random Walkers. Đó có phải là một loại câu lạc bộ đi bộ đường dài quyết định diêm đén của mình bằng cách né tránh phi tiêu vào bắn đỡ đường mòn không? (*Anh ấy cười tự mãn vào máy ảnh.*)

GIÁO SƯ COIN: Không, thưa ông Puneyser. Random Walkers là một nhóm các nhà kinh tế tin rằng biến động giá thị trường là ngẫu nhiên. Nghĩa là, người ta không thể nghĩ ra một hệ thống để dự đoán giá cả thị trường cũng như không thể nghĩ ra một hệ thống để dự đoán chuỗi màu sẽ xuất hiện trên bánh xe roulette. Cả hai sự kiện đều hoàn toàn là vấn đề may rủi. Giá cả không có bộ nhớ, và những gì xảy ra ngày hôm qua không liên quan gì đến những gì sẽ xảy ra vào ngày mai. Nói cách khác, các biểu đồ chỉ có thể cho bạn biết những gì đã xảy ra trong quá khứ; chúng vô dụng trong việc dự đoán tương lai.

BỆNH ĐÀ XƠ CỨNG. XU HƯỚNG: Thưa giáo sư, ông đã bỏ qua một sự thật rất quan trọng: Giá hàng ngày không được rút ra từ một cái bát, mà là hệ quả của hoạt động tập thể của tất cả những người tham gia thị trường. Hành vi của con người có thể không dự đoán được như chuyển động của các hành tinh bị chi phối bởi các định luật vật lý, nhưng nó cũng không hoàn toàn ngẫu nhiên. Nếu không phải như vậy, nghề của bạn - kinh tế học - sẽ chịu chung số phận với thuật già kim. (Giáo sư Coin vặn vẹo một cách không thoải mái trên ghế của mình khi nhắc đến điều này.) Biểu đồ tiết lộ các mẫu hành vi cơ bản. Trong chừng mực các tương tác tương tự giữa người mua và người bán sẽ dẫn đến các mô hình giá tương tự, thì quá khứ thực sự có thể được sử dụng làm kim chỉ nam cho tương lai.

GIÁO SƯ COIN: Nếu giá trong quá khứ có thể được sử dụng để dự đoán giá trong tương lai, thi tại sao vô số nghiên cứu học thuật lại kết luận rằng các quy tắc kỹ thuật đã được thử nghiệm không thể vượt trội so với chính sách mua và nắm giữ đơn giản sau khi tính đến hoa hồng?

BỆNH ĐÀ XƠ CỨNG. XU HƯỚNG: Các quy tắc được sử dụng trong các nghiên cứu đó thường được đơn giản hóa quá mức. Các nghiên cứu chứng minh rằng những quy tắc cụ thể đó không hoạt động. Chúng không chứng minh được rằng việc tổng hợp thông tin giá phong phú hơn, chẳng hạn như phân tích biểu đồ hoặc một hệ thống kỹ thuật phức tạp hơn, không thể được khai thác thành công để đưa ra các quyết định giao dịch.

GIÁO SƯ COIN: Tại sao sau đó không có nghiên cứu nào chứng minh một cách thuyết phục khả năng tồn tại của phân tích biểu đồ như một công cụ dự báo?

BỆNH ĐA XƠ CỨNG. XU HƯỚNG: Lập luận của bạn chỉ đơn thuần phản ánh những khó khăn trong việc định lượng các lý thuyết biểu đồ hơn là những thiếu sót của phương pháp tiếp cận biểu đồ. Độ hình hàng đầu của một người đàn ông là khu vực tác nghiệp của một người đàn ông khác. Một nỗ lực để xác định bất cứ điều gì ngoại trừ mẫu biểu đồ đơn giản nhất về mặt toán học sẽ không thể tránh khỏi tùy ý. Các vấn đề thẩm chí còn trở nên rõ ràm hơn khi người ta nhận ra rằng tại bất kỳ thời điểm nào, bức tranh biểu đồ có thể thể hiện các mẫu mâu thuẫn nhau. Vì vậy, theo một nghĩa nào đó, thực sự không thể kiểm tra nhiều lý thuyết biểu đồ một cách khách quan.

GIÁO SƯ COIN: Điều đó khá thuận tiện cho bạn, phải không? Nếu những lý thuyết này không thể được kiểm tra chặt chẽ, thì chúng có ích lợi gì? Làm sao bạn biết rằng giao dịch trên biểu đồ sẽ dẫn đến tỷ lệ thành công cao hơn 50—50—tức là trước hoa hồng?

BỆNH ĐA XƠ CỨNG. XU HƯỚNG: Nếu bạn muốn nói rằng mù quáng theo dõi mọi tín hiệu biểu đồ sẽ chỉ làm cho nhà môi giới của bạn trở nên giàu có, thì tôi không đồng ý. Tuy nhiên, quan điểm của tôi là phân tích biểu đồ là một nghệ thuật, không phải khoa học. Sự quen thuộc với các lý thuyết biểu đồ cơ bản chỉ là điểm khởi đầu. Tính hữu ích thực sự của các biểu đồ phụ thuộc vào khả năng của từng nhà giao dịch trong việc tổng hợp thành công kinh nghiệm của chính họ với các khái niệm tiêu chuẩn. Nếu sử dụng đúng cách, các biểu đồ có thể cực kỳ có giá trị trong việc dự đoán các xu hướng chính của thị trường. Có rất nhiều nhà giao dịch thành công đưa ra quyết định chủ yếu dựa trên các biểu đồ. Bạn sẽ cho rằng thành công của họ là gì - một chuỗi may mắn?

GIÁO SƯ COIN: Vâng. Chính xác đó, một chuỗi may mắn. Nếu có đủ nhà giao dịch, một số người trong số họ sẽ là người chiến thắng, cho dù họ đưa ra quyết định bằng cách đọc biểu đồ hay ném phi tiêu vào trang giá hàng hóa. Đó không phải là phương pháp, chỉ là quy luật xác suất. Ngay cả trong một sòng bạc, một số phần trăm người là người chiến thắng. Bạn sẽ không nói rằng thành công của họ là do bất kỳ hiểu biết hay hệ thống nào.

BỆNH ĐA XƠ CỨNG. XU HƯỚNG: Tất cả những gì chứng minh là hiệu suất vượt trội của một số người lập biểu đồ có thể do tình cờ. Nó không bao giờ luận rằng người lập biểu đồ tài giỏi đang dựa vào thứ gì đó mang lại lợi thế cho anh ta hoặc cô ta.

NGƯỜI ĐIỀU HÀNH: Tôi cảm nhận được rất nhiều sự kháng cự ở đây và tôi nghĩ chúng ta có thể sử dụng thêm một số hỗ trợ. Có ai trong số các bạn mang theo bất kỳ bằng chứng nào có xu hướng chứng minh vị trí của mình không?

GIÁO SƯ COIN: Vâng!(Lúc này, Giáo sư Coin lấy một bản thảo dày cộp từ trong cặp của mình và díu vào tay ông Puneyser. Các

(người điều hành lật qua các trang và lắc đầu khi nhận thấy có quá nhiều chữ cái Hy Lạp nhỏ buôn cười.)

NGƯỜI ĐIỀU KHIỂN: Tôi đã nghĩ đến một thứ ít toán học hơn một chút. Ngày cả TV giáo dục cũng chưa sẵn sàng cho việc này.

GIÁO SƯ COIN: À, tôi cũng có cái này.(Anh ấy rút ra một tờ giấy và đưa cho cô Trend.)Làm thế nào bạn sẽ giải thích biểu đồ này, cô Trend?(Anh ta cố gắng không thành công để ngăn chặn một nụ cười nhéch mép.)

BỆNH ĐA XƠ CỨNG. XU HƯỚNG: Tôi muốn nói rằng đây giống như một biểu đồ dựa trên một loạt các lún tung đồng xu. Bạn biết đấy—ngửa, lén một ô, sấp xuống một ô.

CHUYÊN NGHIỆP:(Nụ cười nhéch mép của ai đã biến thành một cái cau mày rất rõ ràng.)Làm sao mà bạn biết được điều đó?

BỆNH ĐA XƠ CỨNG. XU HƯỚNG: Dự đoán may rủi.

GIÁO SƯ COIN: Chà, dù sao thì điều đó cũng không ảnh hưởng đến lập luận của tôi. Nhìn vào biểu đồ này. Đây là một xu hướng. Vâng, cái này đây—đó không phải là cái mà mọi người gọi là mô hình vai đầu vai sao?

NGƯỜI ĐIỀU HÀNH: Nói về đầu và vai, hai bạn có ý kiến gì về Procter & Gamble không?

CHUYÊN NGHIỆP:(Tiếp tục,)Các mẫu biểu đồ tương tự mà bạn nhanh chóng chỉ ra trên biểu đồ giá của mình cũng xuất hiện trong các chuỗi ngẫu nhiên rõ ràng.

BỆNH ĐA XƠ CỨNG. XU HƯỚNG: Đúng, nhưng dòng lập luận đó có thể dẫn đến một số kết luận kỳ lạ. Chẳng hạn, bạn có đồng ý rằng việc các nhà kinh tế học đang làm việc có xu hướng có bằng cấp cao không phải là một sự ngẫu nhiên không?

GIÁO SƯ COIN: Tất nhiên.

BỆNH ĐA XƠ CỨNG. XU HƯỚNG: Vậy thì, một mẫu dân số ngẫu nhiên cũng có khả năng xuất hiện một số người có bằng cấp cao. Sau đó, bạn có kết luận rằng việc một nhà kinh tế có bằng cấp cao là một sự trùng hợp ngẫu nhiên không?

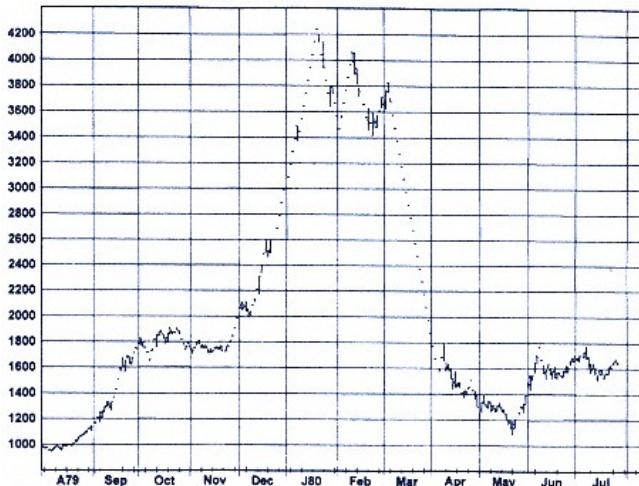
GIÁO SƯ COIN: Tôi vẫn không thấy bất kỳ sự khác biệt nào giữa biểu đồ giá và biểu đồ được tạo ngẫu nhiên của tôi.

BỆNH ĐA XƠ CỨNG. XU HƯỚNG: Bạn không? Điều này trông giống như một biểu đồ được tạo ngẫu nhiên?(Cô Trend giờ biểu đồ bạc tháng 7 năm 1980—xem Hình 1.1.)

GIÁO SƯ COIN: Chà, không chính xác, nhưng . . .

NGƯỜI ĐIỀU KHIỂN: Bạn có thể nói rằng không phải biểu đồ bạc nào cũng có đường xu hướng nhiều mây.

BỆNH ĐA XƠ CỨNG. XU HƯỚNG:(Đang tặc công,)Hoặc cái này.(Cô ấy giờ biểu đồ cà phê tháng 12 năm 1994—xem Hình 1.2,)Tôi có thể tiếp tục.



Hình 1.1
Tháng 7 năm 1980 bạc.

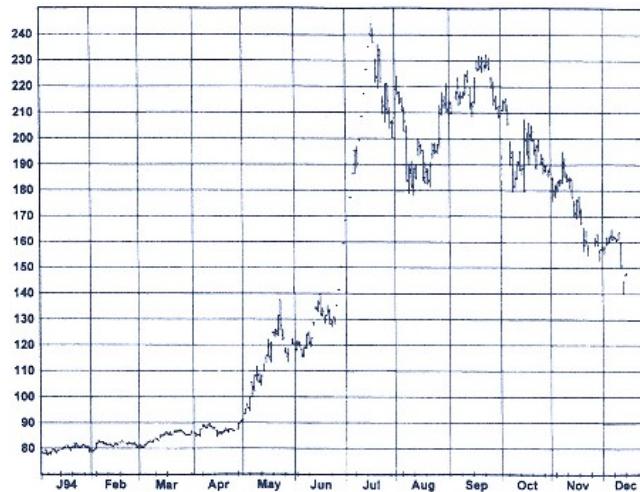
NGƯỜI ĐIỀU HÀNH: (*Gửi giáo sư Coin*) Cô Trend thực sự có vẻ tham thia. Có cơ sở nào để bác bỏ các ví dụ của cô ấy không?

GIÁO SƯ COIN: Chà, tôi thừa nhận những ví dụ đó khá cực đoan, nhưng chúng vẫn không chứng minh được rằng giá trong quá khứ có thể dự đoán giá trong tương lai.

NGƯỜI ĐIỀU HÀNH: Trước khi thời gian của chúng ta đạt đến giới hạn, có thể nói như vậy, tôi muốn kể lại lộ trình của chúng ta. Tôi tự hỏi ý kiến của bạn về các nhà phân tích cơ bản là gì?

GIÁO SƯ COIN: Chà, họ giỏi hơn những người vẽ biểu đồ vì ít nhất họ có thể giải thích giá di chuyển. Nhưng tôi sợ những nỗ lực của họ để *đưa báo giá* cả đều vô ích như nhau. Bạn thấy đấy, tại bất kỳ thời điểm nào, thi trường giảm giá tất cả các thông tin đã biết, vì vậy không có cách nào họ có thể dự đoán giá trừ khi họ có thể dự đoán những diễn biến không lường trước được trong tương lai như hạn hán hoặc lệnh cấm vận xuất khẩu.

BỆNH ĐA XƠ CỨNG. XU HƯỚNG: Chà, trước tiên tôi muốn giải quyết hàm ý rằng các nhà phân tích biểu đồ bỏ qua các nguyên tắc cơ bản. Trên thực tế, chúng tôi tin rằng biểu đồ giá cung cấp một bản tóm tắt rõ ràng và ngay lập tức về tác động rộng của tất cả các yếu tố cơ bản và tâm lý. Ngược lại, các mô hình cơ bản chính xác, nếu chúng có thể bị lừa



Hình 1.2
Tháng 12 năm 1994 cà phê.

được cấu trúc ở tất cả, sẽ cực kỳ phức tạp. Hơn nữa, dữ liệu cơ bản cho giai đoạn dự báo sẽ phải được ước tính, do đó làm cho các dự báo về giá rất dễ bị sai sót.

NGƯỜI ĐIỀU KHIỂN: Sau đó, bạn có thể nói rằng cả hai bạn đều đồng ý với tuyên bố rằng những người theo trào lưu chính thống cuối cùng cũng bị thủng lỗ chổ.

BỆNH ĐA XÓ CỨNG, XU HƯỚNG: Có.

GIÁO SƯ COIN: Vâng.

NGƯỜI ĐIỀU KHIỂN: Chà, trên ghi chú đồng ý lạc quan đó, chúng ta kết thúc chương trình tối nay.

Theo một nghĩa nào đó, cuộc tranh luận giữa "những người đi bộ ngẫu nhiên" và những người lập biểu đồ không bao giờ có thể được giải quyết rõ ràng. Cần phải hiểu rằng không thể chứng minh tính ngẫu nhiên; tất cả những gì người ta có thể chứng minh là một khuôn mẫu nhất định không tồn tại. Bởi vì không có sự đồng thuận về định nghĩa toán học chính xác của nhiều mẫu biểu đồ, tính khả thi của các mẫu này với tư cách là chỉ báo giá không thể được chứng minh cũng như không được chứng minh.

Ví dụ, nếu một người muốn xác định xem *nối mực* từ *thương mại*

các *dãy* đại diện cho các tín hiệu giao dịch hợp lệ, yêu cầu đầu tiên là xây dựng một định nghĩa ngắn gọn về phạm vi giao dịch và điểm phá vỡ. Giả sử rằng các định nghĩa sau được chấp nhận: (1) phạm vi giao dịch là một biên độ giá bao quanh hoàn toàn tất cả các thay đổi giá hàng ngày trong khoảng thời gian sáu tuần qua và không rộng hơn 5% giá trung bình trong khoảng thời gian đó; và (2) rằng một đột phá là giá đóng cửa trên phạm vi giao dịch sáu tuần. Mặc dù tính hợp lệ của các điểm phá vỡ như các tín hiệu giao dịch có thể được kiểm tra đối với các định nghĩa cụ thể này, nhưng bản thân các định nghĩa này sẽ bị nhiều người thách thức. Một số phản đối có thể bao gồm:

1.Biên độ giá quá hẹp.

2.Biên độ giá quá rộng.

3.Khoảng thời gian sáu tuần là quá dài.

4.Khoảng thời gian sáu tuần là quá ngắn.

5.Không có khoản trợ cấp nào được thực hiện cho những ngày biệt lập vượt ra ngoài giới hạn của phạm vi—một sự kiện mà hầu hết các nhà phân tích biểu đồ sẽ đồng ý là không làm xáo trộn mô hình cơ bản.

6.Hướng của xu hướng trước phạm vi giao dịch không được xem xét—một yếu tố mà nhiều người lập biểu đồ sẽ coi là đầu vào quan trọng trong việc diễn giải độ tin cậy của một điểm phá vỡ.

7.Điểm đột phá phải vượt quá ranh giới của phạm vi giao dịch với số tiền tối thiểu (ví dụ: 1% của mức giá) để được xem là hợp lệ.

số 8.Cần phải có một số giá đóng cửa trên phạm vi giao dịch để chỉ ra sự đột phá.

9.Độ trễ thời gian nên được sử dụng để kiểm tra tính hợp lệ của điểm phá vỡ; ví dụ: giá có còn vượt ra ngoài phạm vi giao dịch một tuần sau khi xuyên thủng phạm vi ban đầu không?

Danh sách trước đây chỉ đại diện cho một ví dụ về những phản đối có thể có đối với các định nghĩa giả định của chúng tôi về phạm vi giao dịch và điểm đột phá—và tất cả những điều này cho một trong những mẫu biểu đồ cơ bản nhất. Hãy tưởng tượng sự mơ hồ và phức tạp trong việc xác định cụ thể một mô hình chẵng hạn như đầu và vai đã được xác nhận.

Về phần mình, những người lập biểu đồ cũng không thể thắng trong cuộc tranh luận. Mặc dù phân tích biểu đồ dựa trên các nguyên tắc chung, ứng dụng của nó phụ thuộc vào cách giải thích của từng cá nhân. Nhà giao dịch theo định hướng biểu đồ thành công có thể không nghĩ gì về tính khả thi của phân tích biểu đồ, nhưng các nhà lý thuyết bước đi ngẫu nhiên sẽ bác bỏ thành công của người lập biểu đồ như một kết quả.

tuân thủ các quy luật xác suất, vì ngay cả một quy trình lựa chọn giao dịch hoàn toàn ngẫu nhiên cũng sẽ mang lại một tỷ lệ phần trăm người chiến thắng.

Nói tóm lại, cuộc tranh luận chưa có hồi kết.

Cũng cần phải nhận ra rằng ngay cả khi có thể thực hiện được các thử nghiệm mang tính kết luận, thì những tuyên bố trái ngược nhau của những người đi theo con đường ngẫu nhiên và những người vẽ biểu đồ không nhất thiết phải trái ngược nhau. Một cách nhìn nhận tinh hình là thị trường có thể chứng kiến những giai đoạn biến động ngẫu nhiên kéo dài, xen kẽ với những giai đoạn hành vi phi ngẫu nhiên ngắn hơn. Do đó, ngay cả khi toàn bộ chuỗi giá có vẻ ngẫu nhiên, hoàn toàn có thể có những khoảng thời gian trong dữ liệu thể hiện các mẫu nhất định. Mục tiêu của nhà phân tích biểu đồ là xác định các giai đoạn đó (nghĩa là các xu hướng chính).

Đã đến lúc thừa nhận những thành kiến của riêng tôi. Kinh nghiệm cá nhân đã thuyết phục tôi rằng biểu đồ là một công cụ giao dịch có giá trị, nếu không muốn nói là thiết yếu. Tuy nhiên, nhận thức như vậy không chứng minh bất cứ điều gì. Những người theo chủ nghĩa ngẫu nhiên sẽ lập luận rằng kết luận của tôi có thể dựa trên trí nhớ có chọn lọc—tức là xu hướng ghi nhớ những thành công của phân tích biểu đồ và quên đi những thất bại—hoặc chỉ đơn thuần là do may mắn. Và họ đã đúng. Những lời giải thích như vậy thực sự có thể đúng.

Mỗi nhà giao dịch phải đánh giá phân tích biểu đồ một cách độc lập và rút ra kết luận của riêng mình. Tuy nhiên, cần nhấn mạnh rằng biểu đồ được nhiều nhà giao dịch thành công coi là một công cụ giao dịch cực kỳ có giá trị và do đó, nhà giao dịch mới nên thận trọng khi từ chối phương pháp này chỉ vì lý do hoài nghi trực giác. Một số lợi ích tiềm năng chính của việc sử dụng biểu đồ được liệt kê dưới đây. (Lưu ý rằng một số cách sử dụng này vẫn có giá trị ngay cả khi người ta hoàn toàn bác bỏ khả năng sử dụng biểu đồ để dự báo giá.)

- 1.Biểu đồ cung cấp lịch sử giá ngắn gọn—một mục thông tin thiết yếu cho bất kỳ nhà giao dịch nào.**
- 2.Biểu đồ có thể cung cấp cho nhà giao dịch cảm nhận tốt về thị trường *biến động*—một sự cân nhắc quan trọng trong việc đánh giá rủi ro.**
- 3.Biểu đồ là một công cụ rất hữu ích cho nhà phân tích cơ bản. Biểu đồ giá dài hạn cho phép người theo chủ nghĩa cơ bản có lập nhanh chóng các giai đoạn biến động giá lớn. Bằng cách xác định các điều kiện cơ bản hoặc các sự kiện đặc biệt đối với các thời kỳ đó, người theo chủ nghĩa cơ bản có thể xác định các yếu tố ảnh hưởng đến giá chính. Thông tin này sau đó có thể được sử dụng để xây dựng mô hình hành vi giá.**
- 4.Biểu đồ có thể được sử dụng như một công cụ xác định thời gian, ngay cả bởi các nhà giao dịch đưa ra quyết định giao dịch của họ trên cơ sở các thông tin khác (ví dụ: nguyên tắc cơ bản).**

5.Biểu đồ có thể được sử dụng như một công cụ quản lý tiền bối bằng cách giúp xác định các điểm dừng có ý nghĩa và thực tế.

6.Biểu đồ phản ánh hành vi thị trường tuân theo các mẫu lặp đi lặp lại nhất định. Với đủ kinh nghiệm, một số nhà giao dịch sẽ phát hiện ra khả năng bẩm sinh trong việc sử dụng biểu đồ thành công như một phương pháp dự đoán biến động giá.

7.Sự hiểu biết về các khái niệm biểu đồ có lẽ là điều kiện tiên quyết cần thiết để phát triển các hệ thống giao dịch kỹ thuật có lợi nhuận.

số 8.Những người hoài nghi lưu ý: Trong những trường hợp cụ thể, cách tiếp cận trái ngược với các tín hiệu biểu đồ cổ điển có thể dẫn đến các cơ hội giao dịch rất có lãi. Các chi tiết cụ thể của phương pháp này được trình bày chi tiết trong Chương 11.

Nói tóm lại, các biểu đồ có thứ gì đó để cung cấp cho tất cả mọi người, từ những người hoài nghi đến những người tin tưởng. Các chương của phần này xem xét và đánh giá các khái niệm chính của lý thuyết biểu đồ cổ điển, cũng như giải quyết tất cả các câu hỏi quan trọng về cách sử dụng biểu đồ như một công cụ giao dịch hiệu quả.

Chương 2- Các loại biểu đồ

Bạn không cần một nhà dự báo thời tiết để biết hướng gió thoổi.

—Bob Dylan

Tất nhiên, biểu đồ giá là công cụ chính của nhà phân tích kỹ thuật. Mặc dù có nhiều định dạng khác nhau nhưng hầu hết các biểu đồ đều sử dụng hệ thống lưới trong đó trục x đo thời gian trong khi trục y đo mức giá. Giá số thời gian của trục x có thể thay đổi tùy theo quan điểm dài hạn hoặc ngắn hạn của nhà phân tích. Biểu đồ có thể được xây dựng bằng cách sử dụng dữ liệu giá cho bất kỳ khoảng thời gian nào: hàng năm, hàng tháng, hàng tuần, hàng ngày (phổ biến nhất) và trong ngày (ví dụ: 60 phút, 30 phút, v.v.).

Biểu đồ thanh

biểu đồ thanh cho đến nay là loại biểu đồ giá phổ biến nhất. Trong biểu đồ thanh, mỗi ngày được biểu thị bằng một đường thẳng đứng nằm trong khoảng từ mức thấp hàng ngày đến mức cao hàng ngày. Giá trị đóng cửa của ngày được biểu thị bằng một phần nhỏ ra nằm ngang ở bên phải của thanh. Ngoài ra, giá trị mở cửa của ngày thường (nhưng không phải luôn luôn) được biểu thị bằng một phần nhỏ ra nằm ngang ở bên trái của thanh. Hình 2.1 là biểu đồ thanh hàng ngày của một cổ phiếu riêng lẻ.

Trong các thị trường tương lai, giá mở cửa và đóng cửa được hiển thị trên biểu đồ thanh là các giá trị đại diện (thường được xác định bởi các nhà giao dịch chuyên nghiệp được ủy quyền của sàn giao dịch trong một hợp đồng cụ thể) tương ứng với giá trung bình trong những phút đầu tiên và phút cuối cùng của ngày giao dịch. Trong trường hợp cổ phiếu, giá mở cửa và đóng cửa thể hiện doanh số thực tế đầu tiên và cuối cùng trong ngày do chuyên gia ghi lại đối với một loại cổ phiếu cụ thể.

Biểu đồ thanh hàng ngày hữu ích nhất cho mục đích giao dịch, nhưng biểu đồ thanh



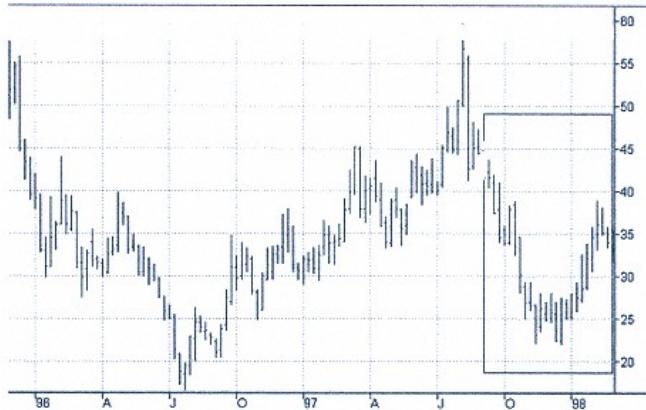
Hình 2.1

Biểu đồ thanh hàng ngày: Công nghệ Micron.

Biểu đồ được tạo bằng TradeStation bởi Omega Research, Inc.

biểu đồ cho các khoảng thời gian dữ liệu dài hơn cung cấp một viễn cảnh cực kỳ quan trọng. Các biểu đồ thanh thời gian dài hơn này (ví dụ: hàng tuần, hàng tháng) hoàn toàn giống với biểu đồ thanh hàng ngày, với mỗi đường thẳng đứng biểu thị phạm vi giá và mức giá cuối cùng trong khoảng thời gian đó. (Trên biểu đồ hàng tuần hoặc hàng tháng, giá mở cửa và giá đóng cửa chỉ đơn giản là giá mở cửa từ giai đoạn giao dịch đầu tiên được bao gồm trong thanh và giá đóng cửa của giai đoạn giao dịch cuối cùng được bao gồm trong thanh. Ví dụ: mỗi thanh trên biểu đồ hàng tuần sẽ sử dụng giá mở cửa của ngày thứ Hai và giá đóng cửa của ngày thứ Sáu.) Hình 2.2 là biểu đồ thanh hàng tuần của cổ phiếu trong Hình 2.1. Đoạn trong hình chữ nhật tương ứng với khoảng thời gian được chụp trong Hình 2.1. Hình 2.3 là biểu đồ thanh hàng tháng cho cùng một cổ phiếu.

Được sử dụng kết hợp, biểu đồ thanh hàng tháng, hàng tuần và hàng ngày mang lại hiệu ứng chụp ảnh xa. Các biểu đồ hàng tháng và hàng tuần sẽ được sử dụng để cung cấp một viễn cảnh thị trường rộng lớn và hình thành ý kiến kỹ thuật về xu hướng dài hạn tiềm năng. Biểu đồ hàng ngày sau đó sẽ được sử dụng để xác định thời điểm giao dịch. Nếu bức tranh kỹ thuật dài hạn đủ quyết định, nhà giao dịch có thể đã có xu hướng thị trường mạnh vào thời điểm họ xem biểu đồ hàng ngày. Ví dụ: nếu biểu đồ hàng tháng và hàng tuần cho thấy thị trường đã chứng kiến một đỉnh lớn dài hạn, nhà giao dịch sẽ chỉ theo dõi biểu đồ hàng ngày để tìm tín hiệu bán.



Hình 2.2
Biểu đồ thanh hàng tuần: Công nghệ Micron. Biểu đồ được
tạo bằng TradeStation bởi Omega Research, Inc.

Sự khác biệt về quan điểm giữa biểu đồ hàng ngày và hàng tuần có thể rất rõ ràng; do đó, cả hai loại biểu đồ nên được kiểm tra. Ví dụ, biểu đồ thanh hàng ngày cho hợp đồng bạc tháng 3 năm 1995 (Hình 2.4) bị chi phối bởi một xu hướng rất lớn, rất giảm giá, *mô hình hàng đầu*. Tuy nhiên, biểu đồ bạc hàng tuần (Hình 2.5) cung cấp một bức tranh rất khác. Mặc dù trong biểu đồ này, mô hình giá cuối năm 1993-1994 vẫn có vẻ lộn xộn, nhưng biểu đồ cũng cho thấy rằng giá đang ở gần mức thấp nhất của một phạm vi giá lịch sử rộng và rằng một cơ sở giá chính rõ ràng đã được hình thành trong giai đoạn 1991 đến đầu năm 1993. Do đó, trong khi cả hai biểu đồ dường như ám chỉ xu hướng giảm giá ngắn hạn, biểu đồ hàng tuần cung cấp những lý do mạnh mẽ để xem một đợt giảm giá khác là cơ hội mua lớn tiềm năng, trong khi biểu đồ hàng ngày thậm chí không có gợi ý nào về kết luận như vậy.

ĐóngChỉ Biểu đồ

Cái tên nói lên tất cả, *biểu đồ gantt* dựa trên các giá trị đóng cửa và bỏ qua thông tin giá cao và thấp. Một số chuỗi giá chỉ có thể được mô tả ở các định dạng biểu đồ gần nhất vì không có sẵn dữ liệu trong ngày. Hai ví dụ là (1) chuỗi giá tiền mặt (Hình 2.6) và (2)



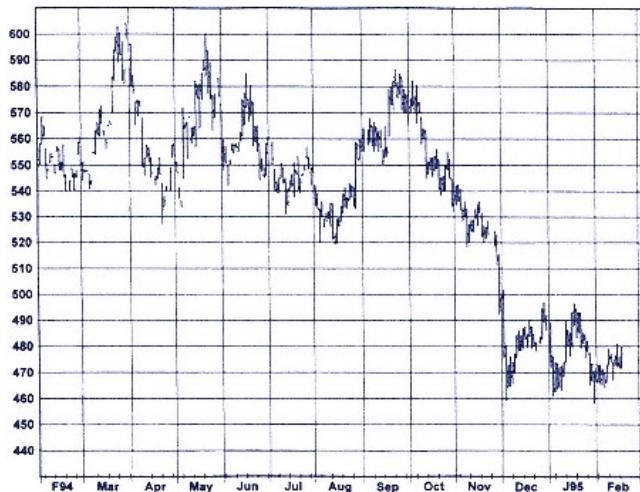
Hình 2.3
Biểu đồ thanh hàng tháng: Công nghệ Micron. Biểu đồ được
tạo bằng TradeStation bởi Omega Research, Inc.

lây lan(Hình 2.7). (Biểu đồ *lây lan* mô tả chênh lệch giá giữa hai công cụ.)

Một số nhà giao dịch biểu đồ có thể thích các biểu đồ chỉ đóng ngay cả khi có sẵn dữ liệu cao/thấp/đóng vì họ cảm thấy có thể thu được bức tranh giá rõ ràng hơn bằng cách chỉ sử dụng giá đóng. Theo quan điểm của họ, việc bao gồm dữ liệu cao/thấp chỉ làm xáo trộn biểu đồ giá. Có nhiều điều để nói về việc nhấn mạnh vào giá trị đóng cửa như là hiện thân của thông tin giá thiết yếu trong ngày. Tuy nhiên, nhiều mẫu biểu đồ quan trọng phụ thuộc vào sự sẵn có của dữ liệu cao/thấp và người ta nên suy nghĩ kỹ trước khi bỏ qua thông tin này. Hơn nữa, như một vấn đề thực tế, biểu đồ thanh sẵn có hơn nhiều so với biểu đồ chỉ đóng.

PointandHình Biểu đồ

Đặc điểm thiết yếu của *biểu đồ điểm* và *hình* là nó xem tất cả giao dịch dưới dạng một luồng liên tục duy nhất và do đó bỏ qua thời gian. Một biểu đồ điểm và hình (xem Hình 2.8) bao gồm một loạt các cột X cát OS. (Một số loại phần mềm biểu đồ sử dụng hình chữ nhật hoặc các ký hiệu khác thay vì Os.) Mỗi X đại diện cho một di chuyển giá của một cường độ nhất định được gọi là *kích thước hộp*. Chừng nào giá còn tiếp tục tăng, X s được thêm vào một cột cho mỗi giá số bằng với kích thước hộp. Tuy nhiên, nếu giá giảm một



Hình 2.4

Phối cảnh biểu đồ thanh hàng ngày: bạc tháng 3 năm 1995.

số tiền bằng hoặc lớn hơn **kích thước đảo chiều**(thường được trích dẫn là bội số của kích thước hộp), một cột mới của $O's$ được bắt đầu và vẽ theo kiểu giảm dần. Số lượng $O's$ sẽ phụ thuộc vào độ lớn của sự đảo ngược, nhưng theo định nghĩa ít nhất phải bằng kích thước đảo ngược. Theo quy ước, đầu tiên O trong một cột luôn được vẽ ở bên dưới ô cuối cùng X trong cột trước. Một mô tả tương tự sẽ áp dụng cho việc giảm giá và đảo chiều tăng giá. Việc lựa chọn hộp và kích thước đảo ngược là tùy ý. Kích thước hộp càng lớn thì càng có nhiều "tiếng ồn" ngắn hạn được lọc ra khỏi biểu đồ điểm và hình.

Hình 2.8 sử dụng kích thước hộp là 0,5 điểm và kích thước đảo ngược của ba hộp hoặc 1,5 điểm. Nói cách khác, miễn là giá không giảm từ 1,5 điểm trở lên, $X's$ tiếp tục được thêm vào một cột cho mỗi lần tăng giá 0,5 điểm xảy ra. Khi giá giảm từ 1,5 điểm trở lên, một cột mới của $O's$ được bắt đầu, với cái đầu tiên O đặt một hộp bên dưới hộp cuối cùng X .

Như đã nêu trước đây, biểu đồ điểm và hình không phản ánh thời gian. Một cột có thể đại diện cho một ngày hoặc hai tháng. Ví dụ, Hình 2.9 là biểu đồ thanh tương ứng với biểu đồ điểm và hình trong Hình

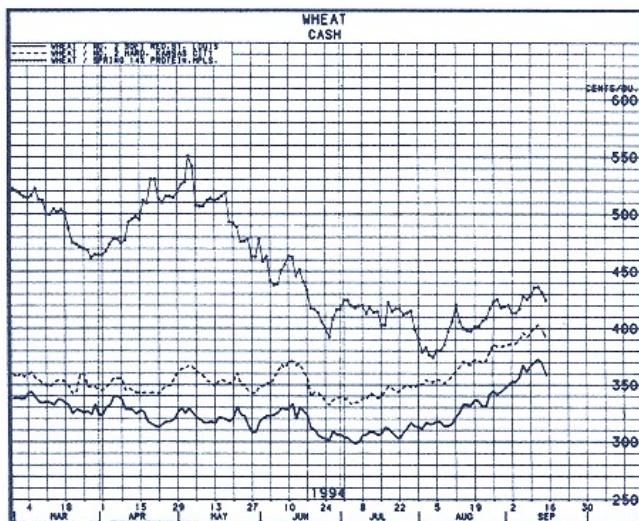


Hình 2.5
Phối cảnh biểu đồ thanh hàng tuần: bạc tương lai gần nhất.

2.8. Cả ngày duy nhất trên biểu đồ thanh (được biểu thị bằng ký hiệu "1") và khoảng thời gian năm ngày ngay sau đó trên biểu đồ thanh (được đặt trong ngoặc bởi các mũi tên và được gắn nhãn bằng ký hiệu "2"), tương ứng với các cột đơn (được đánh dấu tương tự) trên biểu đồ điểm và hình.

Biểu đồ nến

Biểu đồ nến là một cách thể hiện kích thước và màu sắc vào biểu đồ thanh đơn giản. Đoạn thanh biểu thị phạm vi giữa giá mở và giá đóng được biểu thị bằng hình hai chiều. *Chỗ thắt*, trong khi các phần mở rộng vượt ra ngoài phạm vi này đến mức cao và mức thấp được hiển thị dưới dạng các đường (được gọi là *bóng tối*). Một ngày mà giá mở cửa và đóng cửa ở gần các cực đối diện của phạm vi ngày sẽ có thân nến lớn, trong khi một ngày có ít thay đổi ròng giữa giá mở cửa và giá đóng cửa sẽ có thân nến nhỏ. Màu của thân nến cho biết giá đóng cửa cao hơn giá mở cửa (màu trắng—Hình 2.10) hay thấp hơn giá mở cửa (màu đen—Hình 2.11). Hình 2.12 là biểu đồ nến của phần giữa (cuối tháng 5 đến đầu tháng 9 năm 1996) của Hình 2.9.

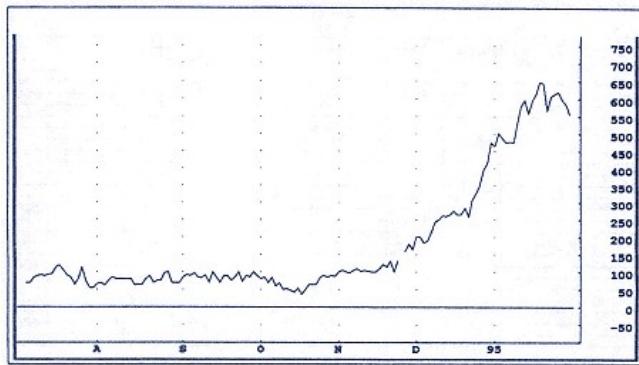


Hình 2.6

Biểu đồ giá tiền mặt: lúa mì.

Nguồn: In lại với sự cho phép, © 1995 BRIDGE/CRB, 30 South Wacker Drive,
Phòng 1810, Chicago, IL 60606.

Mặc dù biểu đồ nến sử dụng dữ liệu giá giống như biểu đồ thanh, nhưng cách hiển thị dữ liệu này độc đáo của chúng làm nổi bật các mô hình đảo chiều và tiếp tục khác biệt mà các nhà phân tích nến dựa vào để đánh giá hành vi thị trường. Mô tả chi tiết về vô số mẫu hình nến và cách giải thích tương ứng của chúng nằm ngoài phạm vi của cuộc thảo luận này. Như một minh họa, một thanh nến có cùng giá mở và giá đóng được gọi là doji. Một ví dụ được cung cấp bởi ngày ấn tượng, rộng hơn trong Hình 2.12. Doji theo truyền thống được hiểu là biểu hiện của sự khó chịu hoặc do dự trên thị trường và trong một thị trường có xu hướng có thể cảnh báo về một sự thay đổi xu hướng sắp xảy ra. Nhân tiện, doji là thanh nến duy nhất xuất hiện giống hệt với đối tác biểu đồ thanh của nó. (So sánh Hình 2.12 với Hình 2.9).



Hình 2.7

Biểu đồ lây lan: bông tháng 10/tháng 12.
Nguồn: FutureSource;
bản quyền © 1986-1994; bảo lưu mọi quyền.

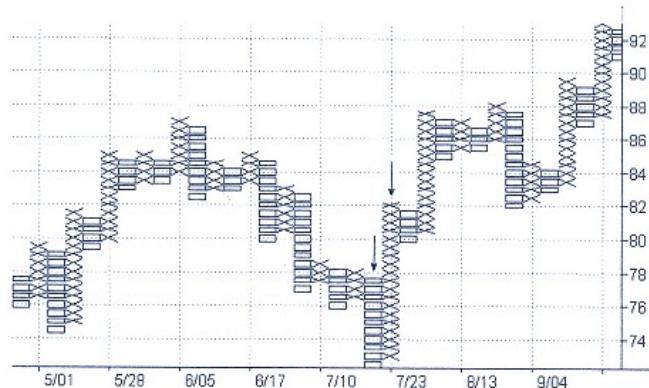
Dữ liệu

Khi phân tích bất kỳ loại biểu đồ nào, điều quan trọng là phải hiểu bản chất của dữ liệu giá mà bạn đang nghiên cứu. Các phần sau đây giải quyết một số vấn đề dữ liệu thường bị bỏ qua đối với các nhà giao dịch chứng khoán và tương lai.

CHỈ DÀNH CHO NGƯỜI GIAO DỊCH CỔ PHIẾU: DỮ LIỆU GIÁ CẢ VÀ CHIA SỐ CỔ PHIẾU

Khi giá của một cổ phiếu được chia tách, tất cả các mức giá trong quá khứ được điều chỉnh theo tỷ lệ sao cho bản thân việc chia tách không gây ra bất kỳ thay đổi nào về giá. Ví dụ: nếu giao dịch cổ phiếu ở mức 50 đô la chứng kiến sự phân chia 2:1, giá hiện tại sẽ trở thành 25 đô la. Nếu không có điều chỉnh nào được thực hiện, biểu đồ sẽ phản ánh giá di chuyển từ 50 đô la lên 25 đô la. Để tránh sự vô lý và méo mó này, tất cả các mức giá trong quá khứ sẽ được chia cho 2 (tỷ lệ phân chia). Do đó, trong khi giá trong quá khứ trước khi chia tách cổ phiếu sẽ không phản ánh giá cổ phiếu thực tế vào thời điểm đó, thì chuỗi này sẽ chỉ bị ảnh hưởng bởi các biến động giá thực, trái ngược với các biến động do chia tách cổ phiếu.

Mặc dù phương pháp điều chỉnh chuỗi giá cổ phiếu để chia tách cổ phiếu là hợp lý, nhưng điều quan trọng là phải nhận ra rằng những thay đổi giá trong quá khứ do một chuỗi giá cổ phiếu ngắn có thể làm giảm đáng kể những thay đổi thực tế mà

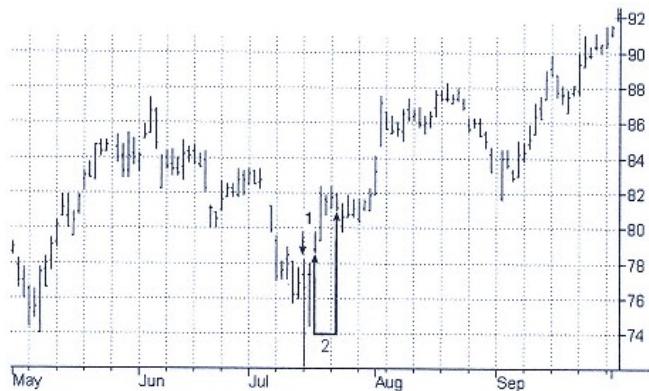


Hình 2.8
Biểu đồ Pointandfigure: Citicorp.
Biểu đồ được tạo bằng TradeStation® của Omega Research, Inc.

đóng lại. Ví dụ: giả sử một cổ phiếu chứng kiến ba lần chia tách 2:1. Để điều chỉnh cho những lần chia này, giá giữa lần chia thứ hai và thứ ba sẽ được chia cho 2, giá giữa lần chia thứ nhất và thứ hai sẽ chia cho 4 và giá trước cả ba lần chia sẽ chia cho 8. Do đó, giá tăng từ \$5 đến \$8 xảy ra trước cả ba lần chia tách thực sự sẽ đại diện cho mức tăng \$24 trên mỗi cổ phiếu, chứ không phải \$3 trên mỗi cổ phiếu. Mặc dù sự cân nhắc này có thể không làm thay đổi các mô hình giá, nhưng nó có thể làm sai lệch đáng kể kết quả của hệ thống giao dịch dựa trên các thử nghiệm trên máy tính được áp dụng cho toàn bộ chuỗi giá. Mặc dù giải thích nằm ngoài phạm vi của cuốn sách này, nhưng khi sử dụng dữ liệu giá đã điều chỉnh theo tỷ lệ phân tách tiêu chuẩn trong thử nghiệm các hệ thống giao dịch, sự méo mó sẽ được giảm thiểu đáng kể bằng cách giả định một vị trí cổ phiếu bằng đô la cố định trong mỗi giao dịch (ví dụ: 1 đô la, 000) trái ngược với một số cổ phiếu cố định. Ví dụ: nếu giá điều chỉnh chia tách là 5 đô la, quy mô giao dịch sẽ là 200 cổ phiếu, trong khi nếu giá là 50 đô la thì quy mô giao dịch sẽ là 20 cổ phiếu.

**CHỈ DÀNH CHO CÁC NHÀ GIAO DỊCH TƯƠNG LAI:
SERIES HỢP ĐỒNG LIÊN KẾT**

Biểu đồ chứng khoán đại diện cho chuỗi dữ liệu liên tục và không bị gián đoạn. Đây không phải là trường hợp với hợp đồng tương lai. Hàng hóa và tài chính tương lai được giao dịch theo chu kỳ định kỳ của các tháng hợp đồng, mỗi hợp đồng có tuổi thọ hữu hạn và giá khác biệt (nhưng thường có liên quan). Ví dụ, hợp đồng tương lai Tbond sử dụng

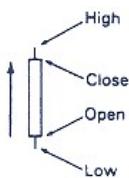


Hình 2.9
Biểu đồ thanh tương ứng với biểu đồ pointandfigure trong Hình 2.8: Citicorp.
Biểu đồ được tạo bằng TradeStation® của Omega Research, Inc.

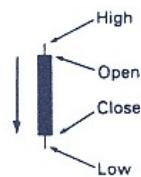
cái thường được gọi là chu kỳ hàng quý, với các tháng hợp đồng là tháng 3, tháng 6, tháng 9 và tháng 12. Để so sánh, dầu thô có hợp đồng cho mỗi tháng trong năm dương lịch. Nhà giao dịch tương lai nắm giữ vị thế dài hạn phải "chuyển đổi" giao dịch—tức là thanh lý vị thế trong tháng hợp đồng sắp hết hạn và thiết lập lại vị thế đó trong tháng hợp đồng tiếp theo. Do đó, khoảng thời gian được bao phủ bởi biểu đồ thanh hàng tuần hoặc hàng tháng điển hình yêu cầu sử dụng một loạt các hợp đồng. Điều này đặc biệt quan trọng đối với việc xác định các dạng đỉnh và đáy dài hạn, cũng như xác định *hỗn và sức chống cự* độ.

Vấn đề lớn mà nhà phân tích biểu đồ phải đối mặt trong các thị trường tương lai là vòng đời tương đối hạn chế của hầu hết các hợp đồng tương lai và các khoảng thời gian thậm chí ngắn hơn mà các hợp đồng này có hoạt động giao dịch quan trọng. Đối với nhiều hợp đồng tương lai (ví dụ: tiền tệ, chỉ số chứng khoán), hoạt động giao dịch gần như hoàn toàn tập trung trong một hoặc hai tháng hợp đồng gần nhất. Trên thực tế, ở một số thị trường, hầu hết tất cả giao dịch đều tập trung ở vị trí gần nhất (ví dụ: hầu hết các hợp đồng tương lai trái phiếu nước ngoài), dẫn đến dữ liệu giá có ý nghĩa chỉ tồn tại trong một đến ba tháng.

Những trường hợp như vậy khiến cho hầu như không thể áp dụng hầu hết các kỹ thuật phân tích biểu đồ cho các biểu đồ hợp đồng riêng lẻ. Ngay cả ở những thị trường mà các hợp đồng riêng lẻ có dữ liệu lồng từ một năm trở lên, một phần



Hình 2.10
Biểu đồ nến:
cơ thể thật màu trắng
(ngày tiếp).



Hình 2.11
Biểu đồ nến:
cơ thể thật màu đen
(ngày xuông).

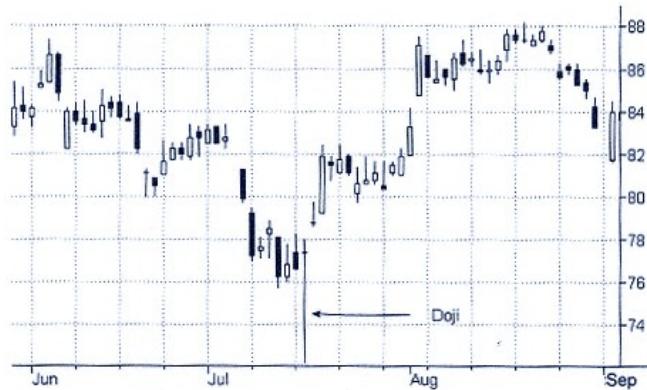
của một nghiên cứu biểu đồ kỹ lưỡng vẫn sẽ bao gồm việc phân tích các biểu đồ hàng tuần và hàng tháng trong nhiều năm. Do đó, việc áp dụng phân tích biểu đồ chắc chắn đòi hỏi phải liên kết các hợp đồng tương lai liên tiếp vào một biểu đồ duy nhất. Ở những thị trường có dữ liệu hợp đồng riêng lẻ rất hạn chế, các biểu đồ được liên kết như vậy sẽ là điều cần thiết để thực hiện bất kỳ phân tích biểu đồ có ý nghĩa nào. Ở các thị trường khác, các biểu đồ được liên kết sẽ vẫn được yêu cầu để phân tích các mẫu biểu đồ nhiều năm.

Tương lai gần nhất

Thông thường, các hợp đồng tương lai được kết hợp bằng cách sử dụng **tương lai gần nhất** cách tiếp cận: Một hợp đồng được vẽ cho đến khi hết hạn và sau đó hợp đồng tiếp theo được vẽ cho đến khi hết hạn, v.v. Tuy nhiên, biểu đồ hợp đồng tương lai gần nhất có thể phản ánh những biến dạng đáng kể do chênh lệch giá giữa tháng hết hạn và hợp đồng tiếp theo.

Hình 2.13 cung cấp một ví dụ ấn tượng về loại biến dạng này. Lưu ý mô hình hợp nhất xen kẽ bởi các cuộc biểu tình mạnh mẽ trong một tuần diễn ra ba tháng một lần như kim đồng hồ. Có phải Euromark trong giai đoạn này phải chịu một số sự kiện tăng giá xảy ra ba tháng một lần? Không. Những "cuộc biểu tình" kéo dài trong một tuần, cách đều nhau này hoàn toàn không phải là những đợt tăng giá thực sự, mà là một hệ quả ảo tưởng của việc chuyên đổi từ hợp đồng tương lai gần nhất sang hợp đồng tiếp theo, mà trong khoảng thời gian được mô tả là luôn được giao dịch với mức chênh lệch cao so với hợp đồng gần đó tháng.

Trên thực tế, trong gần như toàn bộ khoảng thời gian được minh họa trong Hình 2.13, giá thực tế đã giảm, theo nghĩa là một vị thế mua được giữ liên tục được chuyển sang hợp đồng tiếp theo khi mỗi kỳ hạn đến gần sẽ bị mất tiền! Điểm này được minh họa bởi Hình 2.14, mô tả **tương lai liên tục** biểu đồ cho cùng một thị trường trong cùng một khoảng thời gian. (Giá dao động trong biểu đồ tương lai liên tục, đó là



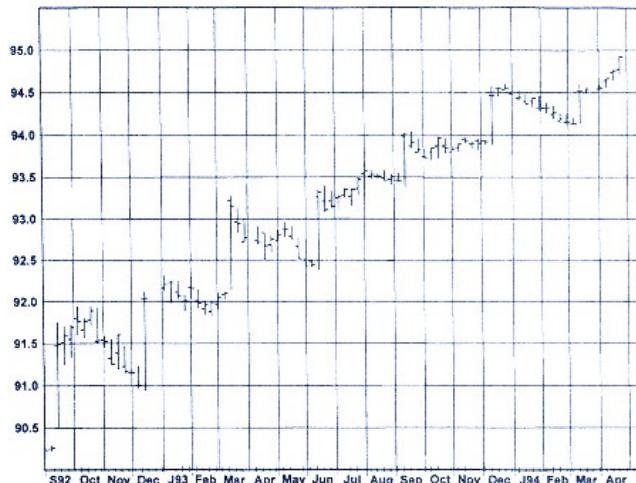
Hình 2.12
Biểu đồ nến tương ứng với biểu đồ pointandfigure trong Hình 2.8 và thanh
biểu đồ trong Hình 2.9: Citicorp.
Biểu đồ được tạo bằng TradeStation® của Omega Research, Inc.

được xác định sau trong phần này, sẽ song song chính xác với các biến động của vốn chủ sở hữu trong một vị thế mua liên tục được giữ.) Lợi nhuận ngụ ý bởi khoảng cố định, các đợt tăng mạnh trong Hình 2.13 không thể được thực hiện bởi một nhà giao dịch, bởi vì anh ta sẽ thanh lý một vị thế trong một tháng hợp đồng và thay thế vị trí đó trong một tháng hợp đồng khác có giá cao hơn nhiều. Trên thực tế, chính sự khác biệt về giá này giữa các tháng là nguyên nhân dẫn đến sự dịch chuyển giá rõ ràng trong biểu đồ hợp đồng tương lai gần nhất trong khoảng thời gian ba tháng.

Thực tế là biểu đồ hợp đồng tương lai gần nhất dễ bị biến dạng lớn, theo nghĩa là các chuyển động giá được mô tả trong biểu đồ có thể tương phản đáng kể với kết quả mà một nhà giao dịch thực tế nhận ra (như trường hợp trong hình minh họa Euromark vừa cung cấp), khiến nó trở nên cần thiết để xem xét một đại diện hợp đồng được liên kết thay thế không chia sẻ khiếm khuyết này. Biểu đồ hợp đồng tương lai liên tục cung cấp một cách tiếp cận thay thế như vậy.

Hợp đồng tương lai liên tục

Hợp đồng tương lai liên tục là một chuỗi liên kết các hợp đồng liên tiếp với nhau theo cách mà khoảng cách giá đã thảo luận trước đó được loại bỏ. Điều này được thực hiện bằng cách thêm chênh lệch tích lũy giữa hợp đồng cũ và hợp đồng mới tại các điểm tái đầu tư vào chuỗi hợp đồng mới. Một ví dụ nêu



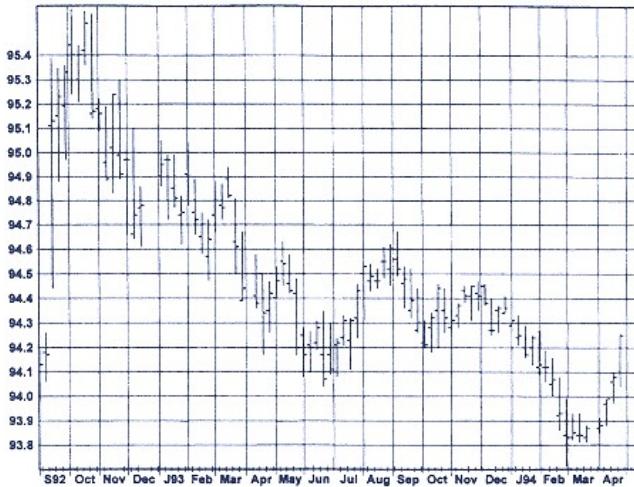
Hình 2.13

Biến dạng trong biểu đồ tương lai gần nhất: Euromark tương lai gần nhất hàng tuần.

giúp làm rõ phương pháp này. Giả sử chúng ta đang xây dựng một chuỗi giá liên tục cho vàng COMEX sử dụng các hợp đồng tháng Sáu và tháng Mười Hai.* Nếu chuỗi giá bắt đầu vào đầu năm dương lịch, ban đầu các giá trị trong chuỗi sẽ giống với giá của hợp đồng tháng 6 hết hạn trong năm đó. Giả sử rằng vào ngày tái đầu tư (không nhất thiết phải là ngày giao dịch cuối cùng) giá vàng tháng 6 đóng cửa ở mức 400 đô la và giá vàng tháng 12 đóng cửa ở mức 412 đô la. Trong trường hợp này, tất cả các mức giá tiếp theo dựa trên hợp đồng tháng 12 sẽ được điều chỉnh giảm 12 đô la—chênh lệch giữa hợp đồng tháng 12 và tháng 6 vào ngày chuyển hạn.

Giả sử rằng vào ngày tái đầu tư tiếp theo, vàng tháng 12 được giao dịch ở mức 450 đô la và hợp đồng tháng 6 tiếp theo được giao dịch ở mức 464 đô la. Giá hợp đồng tháng 12 là 450 đô la ngụ ý rằng giá liên tục được điều chỉnh chênh lệch

* Sự lựa chọn của một sự kết hợp của các hợp đồng là tùy ý. Người ta có thể sử dụng bất kỳ sự kết hợp nào của các tháng được giao dịch tích cực trong thị trường nhất định. Ví dụ: trong trường hợp vàng COMEX, các lựa chọn bao gồm từ việc xây dựng một chuỗi dựa trên tất cả sáu hợp đồng được giao dịch tích cực—tháng Hai, tháng Tư, tháng Sáu, tháng Tám, tháng Mười và tháng Mười Hai—đến chuỗi chỉ dựa trên một hợp đồng duy nhất, chẳng hạn như tháng Mười Hai.



Hình 2.14
Biểu đồ hợp đồng tương lai liên tục phản ánh chính xác biến động vốn chủ sở hữu: Euromark
tương lai gần nhất hàng tuần.

là \$438. Do đó, vào ngày tái đầu tư thứ hai này, hợp đồng tháng 6 đang giao dịch 26 đô la trên chuỗi điều chỉnh. Do đó, tất cả các mức giá tiếp theo dựa trên hợp đồng tháng 6 thứ hai sẽ được điều chỉnh giảm 26 đô la. Quy trình này sẽ tiếp tục, với việc điều chỉnh cho từng hợp đồng phụ thuộc vào tổng tích lũy của chênh lệch giá tại điểm chuyển tiếp hiện tại và trước đó. Thông thường, bước cuối cùng là thuận tiện để thay đổi quy mô của toàn bộ chuỗi theo hệ số điều chỉnh tích lũy, một bước sẽ đặt giá hiện tại của chuỗi bằng với giá của hợp đồng hiện tại mà không thay đổi hình dạng của chuỗi. Chuỗi giá kết quả sẽ không bị biến dạng do chênh lệch chênh lệch tồn tại tại các điểm tái đầu tư giữa các hợp đồng.

Cần lưu ý rằng tại các thị trường có xu hướng mạnh mẽ đối với các hợp đồng gần đó giao dịch với mức phí bảo hiểm đáng kể tại các điểm tái đầu tư, chuỗi hợp đồng tương lai liên tục cuối cùng có thể bao gồm giá âm trong một số giai đoạn trước khi điều chỉnh tích lũy tăng lên. Mặc dù điều này nghe có vẻ khó hiểu, nhưng nó không gây ra bất kỳ vấn đề nào đối với việc kiểm tra hệ thống. Đối với phân tích biểu đồ, tất nhiên, nhà giao dịch sẽ bỏ qua bất kỳ điểm hỗ trợ nào nằm ở mức giá âm hoặc thấp phi thực tế.

Sê-ri Chuyển tiếp không đổi ("Perpetual")

Loại thứ ba của chuỗi tương lai được liên kết mà người đọc có thể gặp phải là *liên tục về phía trước* (còn được gọi là chuỗi "vĩnh viễn"), bao gồm báo giá cho các mức giá không đổi trong một khoảng thời gian về phía trước. Một chuỗi chuyển tiếp không đổi có thể được xây dựng từ dữ liệu giá tương lai thông qua phép nội suy. Ví dụ: nếu chúng tôi đang tính chuỗi kỳ hạn không đổi 90 ngày và ngày kỳ hạn 90 ngày giảm đúng một phần ba quãng đường giữa hai ngày hết hạn của hai hợp đồng gần nhất, thì giá kỳ hạn không đổi sẽ được tính bằng tổng của hai phần ba giá hợp đồng gần nhất và một phần ba giá hợp đồng tiếp theo. Khi chúng tôi di chuyển về phía trước trong thời gian, hợp đồng gần nhất sẽ có trọng số ít hơn, nhưng trọng số của hợp đồng tiếp theo sẽ tăng theo tỷ lệ thuận. Cuối cùng, hợp đồng gần nhất sẽ hết hạn và bị loại khỏi tính toán,

Chuỗi chuyển tiếp không đổi giúp loại bỏ vấn đề chênh lệch giá lớn khi tái đầu tư và chắc chắn là một cải tiến đáng kể so với chuỗi giá tương lai gần nhất. Tuy nhiên, loại sê-ri này có hai nhược điểm lớn. Đầu tiên, vì chuỗi không tương ứng với bất kỳ hợp đồng thực tế nào, người ta không thể thực sự giao dịch một chuỗi kỳ hạn không đổi. Thứ hai, và thậm chí còn nghiêm trọng hơn, chuỗi kỳ hạn không đổi không phản ánh tác động của sự bay hơi theo thời gian đối với các hợp đồng tương lai thực tế. Sự thiếu sót này có thể dễ dàng dẫn đến mô hình giả của một chuỗi hợp đồng tương lai kỳ hạn không đổi sai lệch đáng kể so với các mô hình được thể hiện bởi các hợp đồng được giao dịch thực tế—một đặc điểm rất không mong muốn.

So sánh sê-ri

Điều quan trọng là phải hiểu rằng một chuỗi giá tương lai được liên kết có thể phản ánh chính xác mức giá hoặc thay đổi giá, nhưng không phản ánh cả hai—giống như một đồng xu có thể xuất hiện theo mặt ngửa hoặc mặt sấp, nhưng không phải cả hai. Hợp đồng tương lai gần nhất sẽ phản ánh chính xác các mức lịch sử thực tế chứ không phản ánh biến động giá. Hợp đồng tương lai liên tục sẽ phản ánh chính xác sự dao động của giá, nhưng các mức liên tục trong quá khứ sẽ không khớp với các mức lịch sử thực tế. Hợp đồng tương lai không đổi không phải là cá cũng không phải là già cầm—tức là, chúng không phản ánh chính xác mức giá hoặc dao động giá.

Do chuỗi hợp đồng tương lai liên tục là chuỗi liên kết duy nhất phản ánh chính xác sự dao động giá và do đó biến động vốn chủ sở hữu trong tài khoản giao dịch thực, nên đây là chuỗi liên kết duy nhất có thể được sử dụng để tạo mô phỏng chính xác trong quá trình thử nghiệm hệ thống giao dịch trên máy tính. (Do thời hạn hạn chế nói trên của các hợp đồng cá nhân, các hợp đồng này không thể

được sử dụng để kiểm tra bất kỳ hệ thống nào đòi hỏi phải xem lại dữ liệu của hơn sáu tháng giống như toàn bộ các phương pháp tiếp cận dài hạn hơn. Ngay cả khi về mặt lý thuyết là có thể—ví dụ: thử nghiệm phương pháp giao dịch ngắn hạn—việc sử dụng dữ liệu hợp đồng thực tế yêu cầu sử dụng một số lượng lớn các chuỗi riêng lẻ, điều này cồng kềnh hơn nhiều so với việc sử dụng một chuỗi liên kết duy nhất.)

Với sự khác biệt đáng kể giữa chuỗi giá tương lai gần nhất và chuỗi giá liên tục, câu hỏi rõ ràng trong đầu người đọc có lẽ là: Chuỗi giá nào—tương lai gần nhất hoặc tương lai liên tục—sẽ thích hợp nhất để phân tích biểu đồ? Ở một mức độ nào đó, điều này giống như hỏi, Người tiêu dùng nên cân nhắc yếu tố nào trước khi mua một chiếc ô tô mới: giá cả hay chất lượng? Câu trả lời hiển nhiên là cả hai; mỗi yếu tố cung cấp thông tin quan trọng về một đặc điểm mà yếu tố kia không thể đo lường được. Thực tế là mỗi loại biểu đồ giá - gần nhất và liên tục - đều có những điểm yếu nội tại quan trọng nhất định để kết hợp cả hai loại biểu đồ trong một phân tích đầy đủ hơn. Thường thì hai loại biểu đồ này sẽ cung cấp những hình ảnh giá hoàn toàn khác nhau.

Tương lai gần nhất là chuỗi liên kết phổ biến nhất được cung cấp bởi các nhà cung cấp dữ liệu. Nhiều nhà cung cấp cũng cung cấp một chuỗi liên kết bổ sung—có thể là hợp đồng tương lai liên tục hoặc hợp đồng tương lai không đổi. Với sự khác biệt rất đáng kể giữa các chuỗi này, hãy luôn đảm bảo rằng bạn biết loại dữ liệu được liên kết nào bạn đang mua và sử dụng.

Chương 3-

Xu hướng

Xu hướng là bạn của bạn ngoại trừ vào cuối khi nó uốn cong.

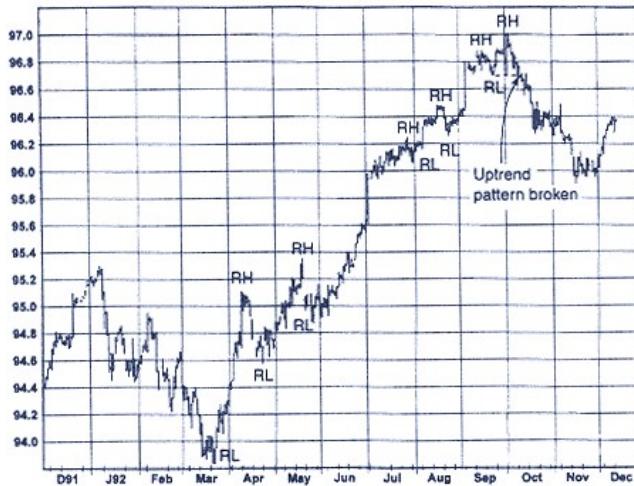
—Ed Seykota

Xác định xu hướng theo mức cao và mức thấp

Vì xu hướng thị trường mang lại cơ hội kiếm lợi nhuận tốt nhất nên mục tiêu cơ bản nhất của phân tích biểu đồ là xác định và xác định giá *xu hướng*. Một định nghĩa tiêu chuẩn về xu hướng tăng là sự liên tiếp của các đỉnh cao hơn và đáy cao hơn. Ví dụ, trong Hình 3.1, trong khoảng thời gian từ tháng 3 đến tháng 9, *mỗi tương đối cao(RH)* cao hơn mức cao trước đó và *mỗi tương đối thấp(RL)* cao hơn mức thấp trước đó. Về bản chất, một xu hướng tăng có thể được coi là nguyên vẹn cho đến khi điểm thấp tương đối trước đó (mức thấp "phản ứng") bị phá vỡ. Việc vi phạm điều kiện này đóng vai trò cảnh báo rằng xu hướng có thể kết thúc. Ví dụ, trong Hình 3.1, sự thâm nhập vào tháng 10 của mức thấp tương đối trong tháng 9 chứng tỏ là điềm báo về sự suy giảm tiếp theo. Tuy nhiên, cần nhấn mạnh rằng sự gián đoạn của mô hình các đỉnh cao hơn và đáy cao hơn (hoặc đỉnh thấp hơn và đáy thấp hơn) nên được xem như một manh mối chứ không phải bằng chứng tuyệt đối về khả năng đảo ngược xu hướng dài hạn. Hình 3.2 cung cấp một ví dụ khác về xu hướng tăng được xác định bởi các đỉnh cao hơn và đáy cao hơn liên tiếp.

Theo cách tương tự, một xu hướng giảm có thể được định nghĩa là sự nối tiếp của các mức thấp thấp hơn và mức cao thấp hơn (xem Hình 3.3). Một xu hướng giảm có thể được coi là nguyên vẹn cho đến khi mức cao tương đối trước đó bị vượt quá.

Xu hướng tăng và xu hướng giảm cũng thường được xác định theo thuật ngữ *đường xu hướng*. Một đường xu hướng tăng kết nối một loạt các đáy cao hơn (xem Hình 3.4 và 3.5); một đường xu hướng giảm kết nối một loạt các đỉnh thấp hơn (xem Hình 3.6). Các đường xu hướng đôi khi có thể kéo dài trong nhiều năm. Ví dụ, đường xu hướng trong Hình 3.7 nêu bật xu hướng tăng trong bảy năm.



Hình 3.1

Xu hướng tăng khi các đỉnh cao hơn và đáy cao hơn nối tiếp nhau: Đô la châu Âu tháng 12 năm 1992.

Lưu ý: RH = cao tương đối; RL = thấp tương đối.

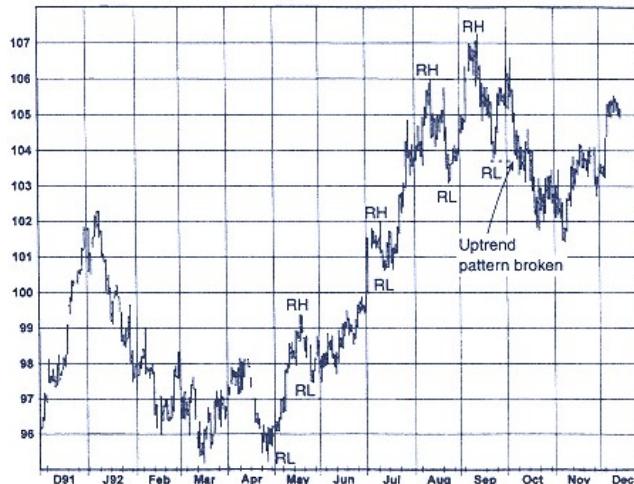
Không có gì lạ khi các phản ứng chống lại một xu hướng chính bắt đầu gần một đường song song với đường xu hướng. Tập hợp các đường song song bao quanh một xu hướng được gọi là *các kênh xu hướng*. Hình 3.8 và 3.9 minh họa các kênh xu hướng tăng và xu hướng giảm mở rộng.

Quy tắc đường xu hướng

Các quy tắc sau thường được áp dụng cho các đường xu hướng và kênh:

1.Các xu hướng giảm tiếp cận đường xu hướng tăng và các đợt tăng giá tiếp cận đường xu hướng giảm thường là cơ hội tốt để bắt đầu các vị thế theo hướng của xu hướng chính.

2.Sự xuyên thủng của một đường xu hướng tăng (đặc biệt là trên cơ sở giá đóng cửa) là một tín hiệu bán; sự xuyên thủng của một đường xu hướng giảm là một tín hiệu mua. Thông thường, một phần trăm di chuyển giá tối thiểu hoặc một



Hình 3.2

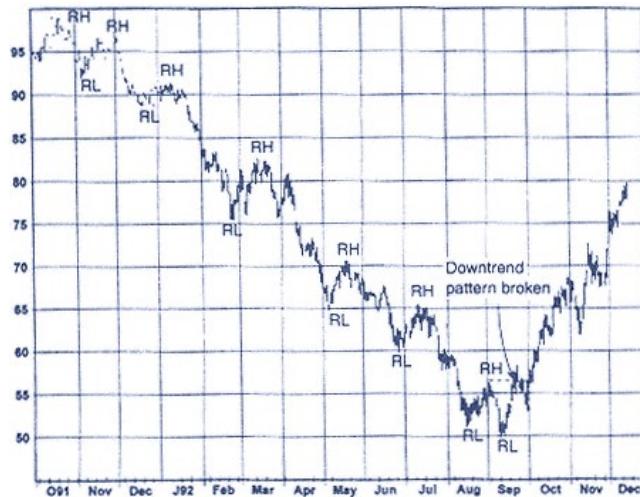
Xu hướng tăng khi các đỉnh cao hơn và đáy cao hơn nối tiếp nhau: Tbond tháng 12 năm 1992.

Lưu ý: RH = cao tương đối; RL = thấp tương đối.

số lần đóng vượt quá đường xu hướng là tối thiểu để xác nhận sự thâm nhập.

3. Đầu dưới của kênh xu hướng giảm và **đầu trên** của kênh xu hướng tăng đại diện cho các vùng thu lợi nhuận tiềm năng cho các nhà giao dịch ngắn hạn.

Các đường xu hướng và các kênh rất hữu ích, nhưng tầm quan trọng của chúng thường bị cường điệu hóa. Rất dễ đánh giá quá cao độ tin cậy của các đường xu hướng khi chúng được vẽ với lợi ích của nhận thức muộn màng. Một cân nhắc thường bị bỏ qua là các đường xu hướng thường cần được vẽ lại khi thị trường tăng hoặc giảm được mở rộng. Do đó, mặc dù sự xâm nhập của một đường xu hướng đôi khi sẽ đưa ra một tín hiệu cảnh báo sớm về sự đảo ngược xu hướng, nhưng cũng thường thấy rằng sự phát triển như vậy sẽ chỉ yêu cầu vẽ lại đường xu hướng. Ví dụ: Hình 3.10 cho thấy ba đường xu hướng, đường đầu tiên ("1") xác định xu hướng tăng mạnh trong khoảng thời gian từ tháng Tư đến tháng Sáu. Tuy nhiên, sự xâm nhập vào giữa tháng 6 của đường xu hướng này không dẫn đến sự đảo ngược, mà chỉ cần vẽ lại đường xu hướng ("2"). Tương tự như vậy, các



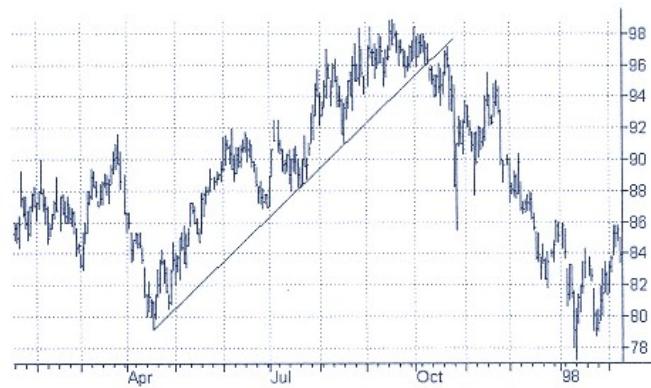
Hình 3.3

Xu hướng giảm khi liên tiếp các đỉnh thấp hơn và đáy thấp hơn: cà phê tháng 12 năm 1992.

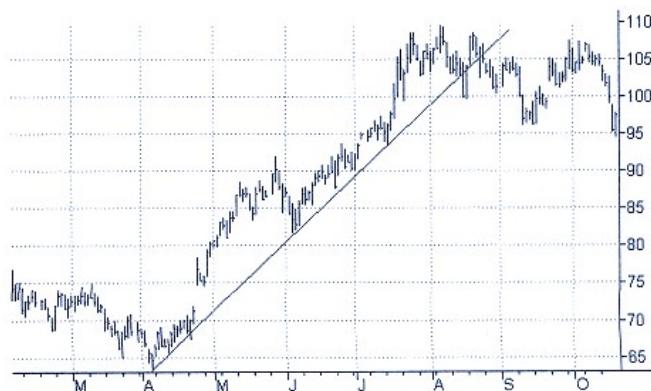
Lưu ý: RH = cao tương đối; RL = thấp tương đối.

đường nét ("3") biểu thị một đường xu hướng thay thế có thể đã được thêm vào để nắm bắt mức thấp nhất của tháng Bảy và tháng Tám.

Hình 3.11 cung cấp một ví dụ về xu hướng giảm. Đường cao hơn trong Hình 3.11 biểu thị đường xu hướng giảm được vẽ ra nhờ nhận thức muộn. Đường bên dưới biểu thị đường xu hướng giảm được chỉ định cho đến tháng 5 (che phần biểu đồ từ tháng 5 trở đi để xem tính thực tế của đường xu hướng ban đầu). Sự xâm nhập vào tháng 5 của đường xu hướng không dẫn đến sự đảo ngược xu hướng, mà chỉ cần vẽ lại đường xu hướng. Theo cách tương tự, Hình 3.12 giống với Hình 3.11, ngoại trừ khoảng thời gian được mô tả được kéo dài thêm bốn tháng. Các đường bên dưới được mô phỏng lại từ Hình 3.11 và biểu thị các đường xu hướng giảm được biểu thị tương ứng cho đến tháng Năm và tháng Bảy. Một lần nữa, sự xâm nhập của các đường xu hướng này không dẫn đến đảo ngược xu hướng, mà chỉ cần vẽ lại đường xu hướng.



Hình 3.4
Đường xu hướng tăng: Amoco.
Biểu đồ được tạo bằng TradeStation® của Omega Research, Inc.



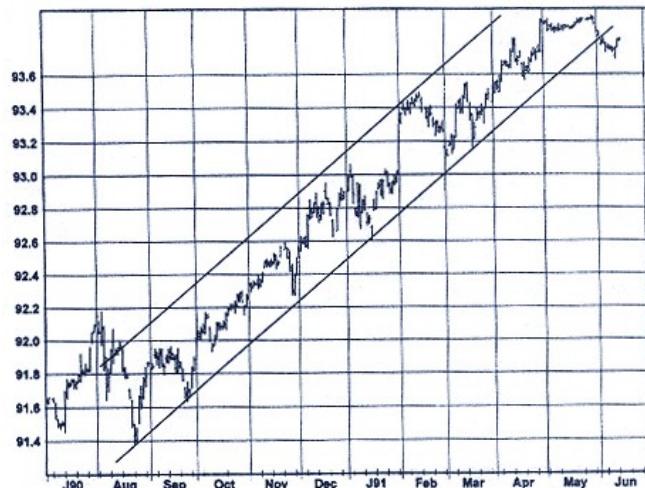
Hình 3.5
Đường xu hướng tăng: IBM.
Biểu đồ được tạo bằng TradeStation® của Omega Research, Inc.



Hình 3.6
Đường xu hướng giảm: Motorola.
Biểu đồ được tạo bằng TradeStation® của Omega Research, Inc.



Hình 3.7
Đường xu hướng tăng: Xerox.
Biểu đồ được tạo bằng TradeStation® của Omega Research, Inc.



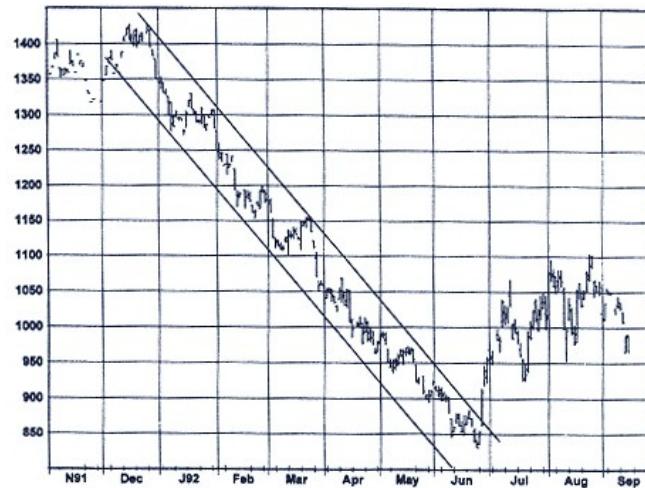
Hình 3.8

Kênh xu hướng tăng: Đô la châu Âu tháng 6 năm 1991.

Các ví dụ trước nhằm mục đích đưa ra quan điểm rằng sự xâm nhập của các đường xu hướng là quy luật hơn là ngoại lệ. Thực tế đơn giản là các đường xu hướng có xu hướng bị xuyên thủng, đôi khi lặp đi lặp lại, trong quá trình phát triển của chúng, điều này tương đương với việc nói rằng các đường xu hướng thường được xác định lại khi chúng mở rộng. Ý nghĩa quan trọng của quan sát này là các đường xu hướng hoạt động trong nhận thức muộn hơn nhiều so với trong thời gian thực và sự xuyên thủng của đường xu hướng thường chứng tỏ là các tín hiệu sai. Việc xem xét sau này sẽ được xem xét lại trong Chương 11.

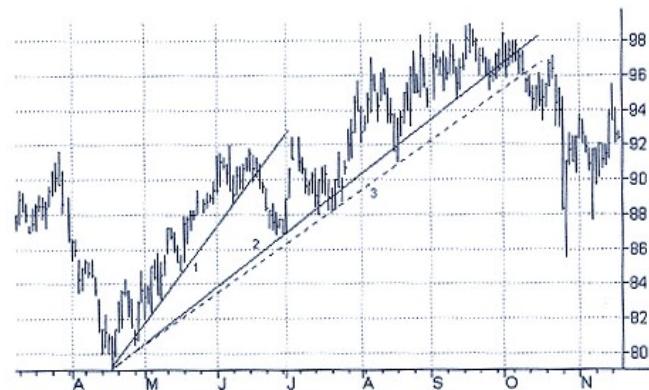
Vẽ đường xu hướng

Đường xu hướng thường được vẽ bằng cách nối các mức thấp đáng kể (đối với đường xu hướng tăng) hoặc mức cao (đối với đường xu hướng giảm). Có một số cuộc tranh luận liên quan đến số lượng đỉnh hoặc đáy phải được nối lại để tạo ra một đường xu hướng hợp lệ. Tất nhiên, hai là mức tối thiểu, với tầm quan trọng của đường xu hướng tăng tỷ lệ thuận với số lượng đỉnh hoặc đáy mà nó kết nối. Cuối cùng, quá trình này là không thể tránh khỏi chủ quan. Ví dụ, một



Hình 3.9

Kênh xu hướng giảm: cao tháng 9 năm 1992.



Hình 3.10

Đường xu hướng tăng được xác định lại: Amoco.

Biểu đồ được tạo bằng TradeStation® của Omega Research, Inc.



Hình 3.11

Đường xu hướng giảm được xác định lại: Hợp đồng tương lai liên tục trái phiếu danh nghĩa Matif.

đường xu hướng kết nối các mức thấp gần đúng của sáu thanh giá (nghĩa là với một số hoặc tất cả các mức thấp hơi xuyên qua đường xu hướng) trong một xu hướng tăng có thể xác định xu hướng chính xác hơn so với một đường kết nối các mức thấp chính xác của hai thanh giá. (Để thảo luận thêm về chủ đề này, hãy xem phần tiếp theo, "Đường xu hướng bên trong.")

Tuy nhiên, có thể xác định các đường xu hướng một cách khách quan. Trong cuốn sách của mình, *Khoa học mới về phân tích kỹ thuật* (John Wiley & Sons, New York, 1994), Thomas DeMark vạch ra một phương pháp như vậy. Quá trình xây dựng "các đường TD" của anh ấy bao gồm kết nối chính xác hai điểm: đối với các đường xu hướng tăng, mức thấp tương đối gần đây nhất và mức thấp hơn tương đối thấp hơn gần đây nhất; đối với các đường xu hướng giảm, mức cao tương đối gần đây nhất và mức tương đối cao hơn gần đây nhất cao. Bằng cách định nghĩa đường xu hướng dựa trên các mức cao và mức thấp tương đối gần đây nhất, các đường xu hướng sẽ liên tục được xác định lại khi các mức cao và mức thấp tương đối mới xuất hiện. Cách tiếp cận này dẫn đến việc nhấn mạnh tầm quan trọng của giá gần đây so với giá lịch sử.

Dòng TD phụ thuộc nhiều vào giá trị của / được sử dụng để xác định tương đối



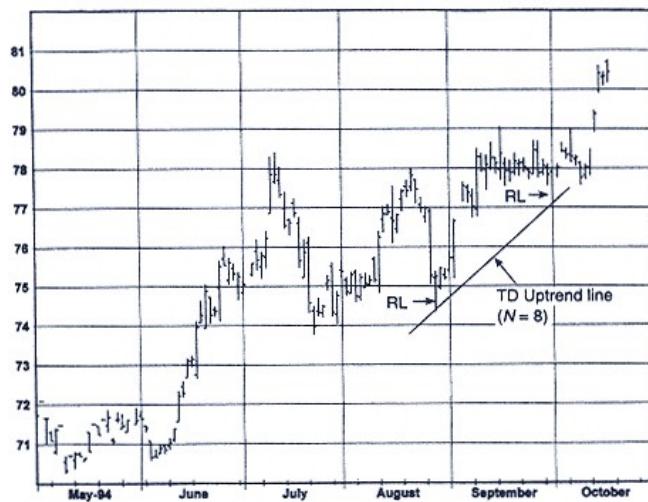
Hình 3.12

Đường xu hướng giảm được xác định lại hai lần: Hợp đồng tương lai liên tục trái phiếu danh nghĩa Matif.

mức thấp và mức cao. Hình 3.13 và 3.14 so sánh các đường TD được tạo bởi hai giá trị khác nhau của N (8 và 4) cho cùng một thị trường. Trong Hình 3.13, đường TD kết nối các mức thấp gần đây nhất thấp hơn mức thấp của tam ngày trước và sau đó; trong Hình 3.14, đường TD kết nối các mức thấp gần đây nhất thấp hơn mức thấp của bốn ngày trước và sau đó. Giá trị của càng cao N được chọn, thì càng ít đường xu hướng được tạo ra và các đường xu hướng này sẽ càng có ý nghĩa. Sự đánh đổi là giá trị càng cao N , đường xu hướng kết quả càng chậm sẽ mang lại tín hiệu giao dịch.

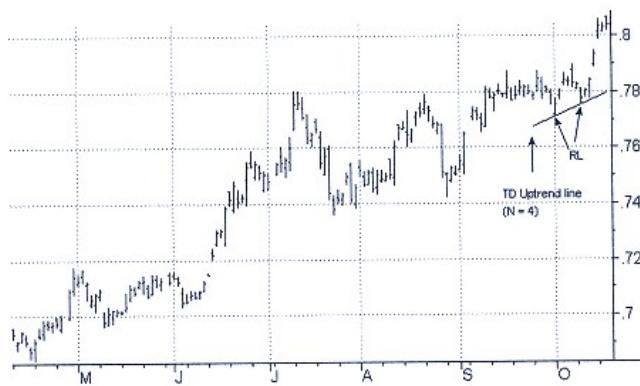
Đường xu hướng nội bộ

Các đường xu hướng thông thường thường được vẽ để bao gồm các mức cực cao và cực thấp. Tuy nhiên, có thể đưa ra lập luận rằng các mức cực cao và cực thấp đại diện cho cảm xúc thái quá trên thị trường và như vậy có thể không đại diện cho xu hướng thống trị trên thị trường. MỘT *đường xu hướng nội bộ* làm



Hình 3.13

Đường xu hướng tăng TD (N=8): Hợp đồng tương lai đồng franc Thụy Sĩ tháng 12 năm 1994.

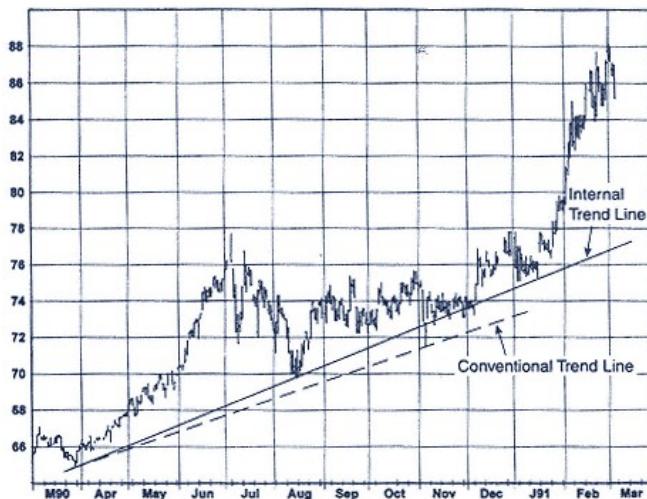


Hình 3.14

Đường xu hướng tăng TD (N = 4): Hợp đồng tương lai đồng franc
Thụy Sĩ. Biểu đồ được tạo bằng TradeStation® của Omega Research, Inc.

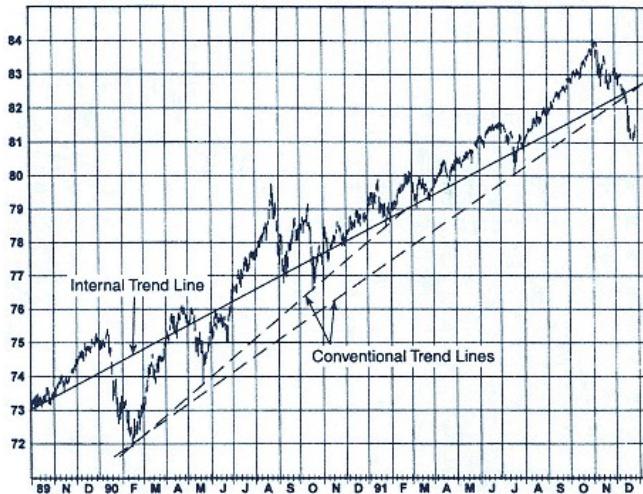
loại bỏ yêu cầu ngầm định về việc phải vẽ các đường xu hướng dựa trên các chuyển du ngoạn giá cực đoan. Đường xu hướng bên trong là đường xu hướng được vẽ gần đúng nhất với phần lớn các mức cao tương đối hoặc mức thấp tương đối mà không có bất kỳ sự cân nhắc đặc biệt nào dành cho các điểm cực trị. Hình 3.15-3.17 cung cấp các ví dụ về cả đường xu hướng thông thường và đường xu hướng bên trong. (Để tránh làm lộn xộn biểu đồ, trong hầu hết các trường hợp, chỉ một hoặc hai đường xu hướng thông thường được lưu ý trong quá trình di chuyển giá được hiển thị.)

Một nhược điểm của các đường xu hướng bên trong là chúng không thể tránh khỏi tùy ý, có lẽ còn hơn cả các đường xu hướng thông thường, ít nhất là được neo bởi mức cực cao hoặc cực thấp. Tuy nhiên, theo kinh nghiệm của tôi, các đường xu hướng bên trong hữu ích hơn nhiều so với các đường xu hướng thông thường trong việc xác định các vùng hỗ trợ và kháng cự tiềm năng. Việc xem xét các Hình 3.15-3.17 sẽ cho thấy rằng các đường xu hướng bên trong được mô tả trong các biểu đồ này thường cung cấp một dấu hiệu tốt hơn về vị trí mà thị trường sẽ giữ vững trong các đợt giảm giá và chững lại trong các đợt tăng giá so với các đường xu hướng thông thường.



Hình 3.15

Đường xu hướng bên trong so với đường xu hướng thông thường: bông tháng 3 năm 1991.



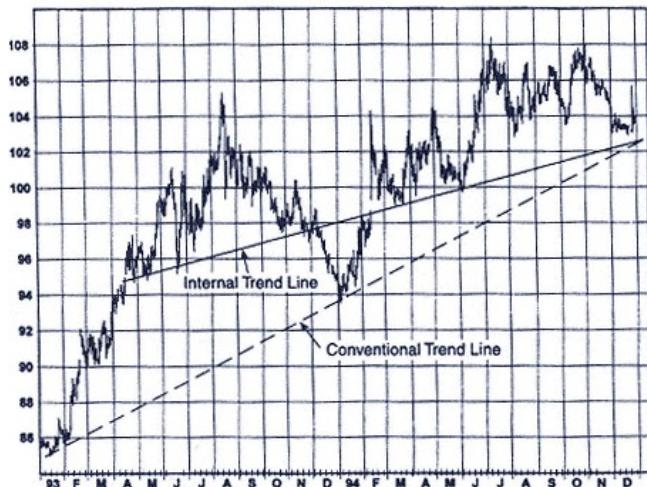
Hình 3.16

Đường xu hướng bên trong so với đường xu hướng thông thường:
Đô la Canada hợp đồng tương lai liên tục.

Tuy nhiên, quan sát mang tính giải thoại của một cá nhân đơn lẻ hầu như không đại diện cho bằng chứng khoa học. Trên thực tế, do tính chất chủ quan của các đường xu hướng bên trong, một bài kiểm tra khoa học về tính hợp lệ của chúng sẽ rất khó xây dựng. Tuy nhiên, quan điểm của tôi là các đường xu hướng bên trong là một khái niệm chắc chắn nên được khám phá bởi nhà phân tích biểu đồ nghiêm túc. Bằng cách làm như vậy, tôi chắc chắn rằng nhiều độc giả cũng sẽ tìm thấy các đường xu hướng bên trong ít nhất là một bổ sung đáng giá cho bộ công cụ phân tích biểu đồ của họ.

Đường trung bình động

Đường trung bình động cung cấp một phương tiện rất đơn giản để làm phẳng một chuỗi giá và làm cho bất kỳ xu hướng nào trở nên rõ ràng hơn. Đường trung bình động đơn giản được định nghĩa là mức đóng cửa trung bình trong quá khứ *N* ngày, kết thúc ở ngày hiện tại. Ví dụ: đường trung bình động 40 ngày sẽ bằng với mức trung bình của 40 lần đóng cửa trước đó (bao gồm cả ngày hiện tại). Thông thường, đường trung bình động được tính bằng cách sử dụng giá đóng cửa hàng ngày. Tuy nhiên, đường trung bình động cũng có thể



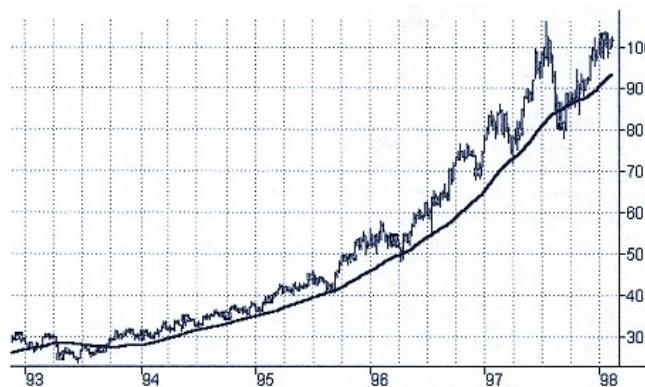
Hình 3.17

Đường xu hướng bên trong so với đường xu hướng thông thường:
Yên Nhật tương lai liên tục.

dựa trên mức mở, mức cao, mức thấp hoặc mức trung bình của mức mở, mức cao, mức thấp và mức đóng hàng ngày. Ngoài ra, các đường trung bình động có thể được tính cho các khoảng thời gian của dữ liệu không phải dữ liệu hàng ngày, trong trường hợp đó, "giá đóng" sẽ đề cập đến báo giá cuối cùng trong khoảng thời gian nhất định.

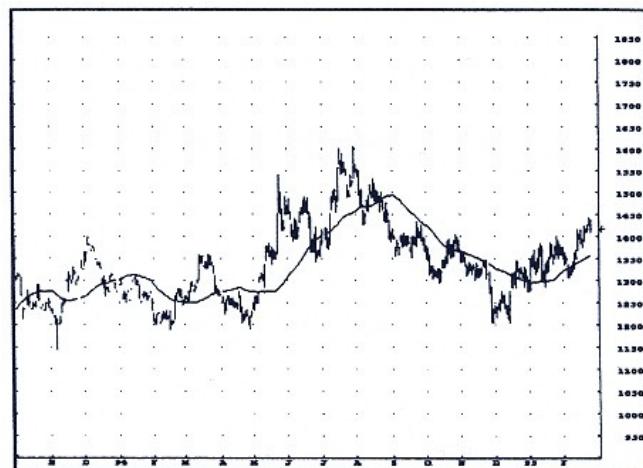
thuật ngữ *đường trung bình động* đề cập đến thực tế là tập hợp các số được tính trung bình liên tục di chuyển theo thời gian. Hình 3.18 minh họa một đường trung bình động 40 ngày được đặt chồng lên trên một chuỗi giá. Lưu ý rằng đường trung bình động phản ánh rõ ràng xu hướng trong chuỗi giá và làm phẳng những biến động vô nghĩa trong dữ liệu. Trong các thị trường biến động, các đường trung bình động sẽ có xu hướng dao động theo mô hình đi ngang chung (xem, ví dụ, giai đoạn tháng 10 năm 1993 đến tháng 5 năm 1994 trong Hình 3.19). Mức độ mà một đường trung bình động làm phẳng một chuỗi giá tương xứng với độ dài của nó: Đường trung bình động 40 ngày sẽ loại bỏ "tiếng ồn" ngắn hạn hơn nhiều so với đường trung bình động 5 ngày.

Một phương pháp rất đơn giản để sử dụng đường trung bình động để xác định xu hướng là dựa trên hướng thay đổi giá trị của đường trung bình động so với ngày trước đó. Ví dụ, một đường trung bình động (và ngược lại



Hình 3.18

Đường trung bình động (40 ngày) trong thị trường có xu hướng: Gillette.
Biểu đồ được tạo bằng TradeStation® của Omega Research, Inc.



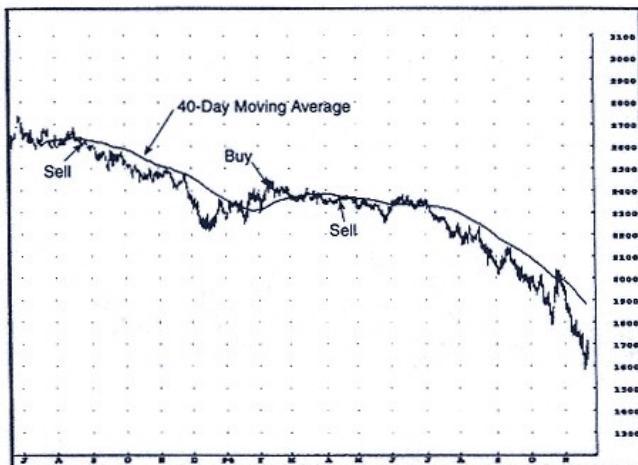
Hình 3.19

Đường trung bình động (40 ngày) trong thị trường đi ngang: cao tháng 3 năm 1995.
Nguồn: FutureSource;
bản quyền © 1986–1994; bảo lưu mọi quyền.

xu hướng) sẽ được coi là *trỗi dậy* nếu giá trị của ngày hôm nay cao hơn giá trị của ngày hôm qua và *suy giảm* nếu giá trị hôm nay thấp hơn.

Lưu ý rằng định nghĩa cơ bản của đường trung bình động tăng tương đương với điều kiện đơn giản là giá đóng cửa hôm nay cao hơn giá đóng cửa *Ngày trước*. Tại sao? Bởi vì đường trung bình động của ngày hôm qua giống hệt với đường trung bình động của ngày hôm nay, ngoại trừ việc nó bao gồm giá đóng cửa *Ngày trước* và không bao gồm giá đóng cửa ngày hôm nay. Do đó, nếu giá đóng cửa của ngày hôm nay cao hơn giá đóng cửa của *Ngày trước*, thì đường trung bình động của ngày hôm nay sẽ cao hơn đường trung bình động của ngày hôm qua. Tương tự, đường trung bình động giảm tương đương với điều kiện giá đóng cửa hôm nay thấp hơn giá đóng cửa *Ngày trước*.

Các thuộc tính làm mịn của các đường trung bình di động đạt được bằng cách đưa ra độ trễ trong dữ liệu. Theo định nghĩa, vì các đường trung bình động dựa trên mức trung bình của các mức giá trong quá khứ, các điểm ngoặt trong các đường trung bình động



Hình 3.20

Các tín hiệu dựa trên đường trung bình động trong thị trường có xu hướng: khí tự nhiên tháng 12 năm 1994.

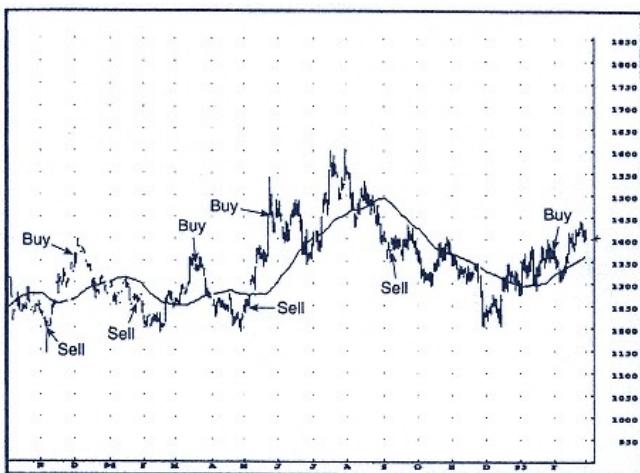
Nguồn: FutureSource;

bản quyền © 1986-1994; bảo lưu mọi quyền.

Lưu ý: Mua = mức tăng 10 điểm trong đường trung bình động từ mức thấp nhất. Bán = 10 tick giảm trong đường trung bình động của mức cao của nó.

sẽ luôn trễ các chuyển đổi tương ứng trong chuỗi giá. Đặc điểm này dễ thấy trong cả hai Hình 3.18 và 3.19.

Trong các thị trường có xu hướng, các đường trung bình động có thể cung cấp một phương pháp xác định xu hướng rất đơn giản và hiệu quả. Hình 3.20 biểu thị các tín hiệu mua tại các điểm mà tại đó đường trung bình động đảo chiều đi lên ít nhất 10 lần và tín hiệu bán tại các điểm mà tại đó đường trung bình động quay xuống với cùng một lượng tối thiểu. (Lý do sử dụng mức đảo ngược ngưỡng tối thiểu để xác định các điểm rẽ trong đường trung bình động là để giữ cho các tín hiệu xu hướng không bị đảo lộn qua lại, hoặc *đánh roi*, lặp đi lặp lại vào những thời điểm khi đường trung bình động gần bằng 0.) Như có thể thấy trong Hình 3.20, kỹ thuật cực kỳ đơn giản này đã tạo ra những tín hiệu giao dịch tuyệt vời. Trong khoảng thời gian 17 tháng được hiển thị, phương pháp này chỉ tạo ra ba tín hiệu: Tín hiệu đầu tiên bắt được phần lớn sự sụt giảm từ tháng 8 đến tháng 12; tín hiệu thứ hai chỉ dẫn đến một khoản lỗ nhỏ; và tín hiệu thứ ba bắt được gần như toàn bộ đợt trượt giá lớn của năm 1994. Bạn không thể yêu cầu nhiều hơn thế.



Hình 3.21

Các tín hiệu dựa trên đường trung bình động trong thị trường dọc ngang: cao tháng 3 năm 1995.

Nguồn: FutureSource;
bản quyền © 1986-1994; bảo lưu mọi quyền.

Lưu ý: Mua = mức tăng 10 điểm trong đường trung bình động từ mức thấp nhất. Bán = 10 tick giảm trong
đường trung bình động ra khỏi mức cao của nó.

Vấn đề là trong khi các đường trung bình động hoạt động tốt trong các thị trường có xu hướng, thì chúng lại có khả năng tạo ra nhiều tín hiệu sai trong các thị trường đi ngang, biến động.

Ví dụ, Hình 3.21 trùng với Hình 3.19, biểu thị tín hiệu mua và tín hiệu bán tại các điểm mà đường trung bình động tăng hoặc giảm ít nhất 10 lần. Phương pháp tương tự đã hoạt động rất hiệu quả trong Hình 3.20 – mua khi đường trung bình động đi lên và bán khi đường trung bình động đi xuống – lại chứng tỏ là một chiến lược tai hại trên thị trường này, mang lại sáu lần thua lỗ liên tiếp và một giao dịch hòa vốn.

Có nhiều cách khác để tính đường trung bình động ngoài đường trung bình động đơn giản được mô tả trong phần này. Một số phương pháp khác này, cũng như ứng dụng của đường trung bình động trong các hệ thống giao dịch, được thảo luận trong Chương 14 và Phụ lục.

Chương 4— Phạm vi giao dịch và hỗ trợ và kháng cự

Có một kẻ ngốc đơn giản, luôn làm điều sai trái ở mọi nơi, nhưng có một kẻ ngốc ở Phố Wall, người luôn nghĩ rằng mình phải giao dịch mọi lúc.

Trong một thị trường hẹp, khi giá không đi đến đâu mà di chuyển trong một phạm vi hẹp, sẽ không có ý nghĩa gì khi cố gắng dự đoán biến động lớn tiếp theo sẽ là gì—tăng hay giảm.

—Edwin Lefèvre

Phạm vi giao dịch: Cân nhắc giao dịch

MỘT *Biên độ giao dịch* là một hành lang nằm ngang chứa các biến động giá trong một thời gian dài. Nói chung, thị trường có xu hướng dành phần lớn thời gian trong phạm vi giao dịch. Thật không may, phạm vi giao dịch rất khó giao dịch có lãi. Trên thực tế, hầu hết các nhà giao dịch kỹ thuật có thể sẽ thấy rằng chiến lược tốt nhất mà họ có thể sử dụng cho phạm vi giao dịch là giảm thiểu sự tham gia của họ vào những thị trường như vậy—một thủ tục nói dễ hơn làm.

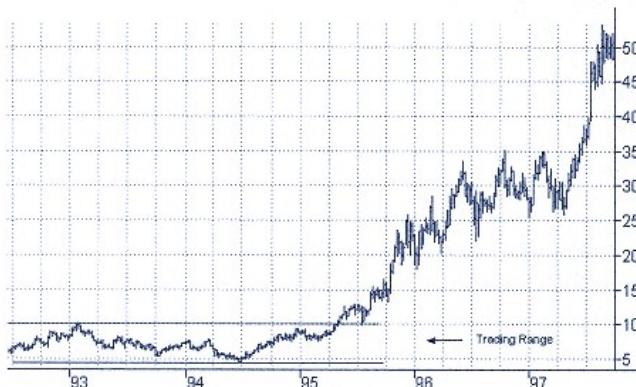
Mặc dù có những phương pháp có thể mang lại lợi nhuận trong phạm vi giao dịch—ví dụ như bộ tạo dao động (xem Chương 6)—vấn đề là những cách tiếp cận tương tự này lại là thảm họa đối với các thị trường có xu hướng, và trong khi phạm vi giao dịch có thể dễ dàng xác định được trong quá khứ, thì gần như không thể xác định được chúng. dự đoán. Ngoài ra, cần lưu ý rằng hầu hết các mẫu biểu đồ (ví dụ: khoảng trống, cờ, v.v.) tương đối vô nghĩa nếu chúng xảy ra trong một phạm vi giao dịch. (Các mẫu biểu đồ được thảo luận trong Chương 5.) Hơn nữa, cần nhấn mạnh rằng các xu hướng nhỏ mờ dần trong phạm vi giao dịch có thể dẫn đến thảm họa trừ khi tổn thất bị hạn chế (ví dụ: thanh lý vị thế nếu giá vượt qua ranh giới phạm vi theo một lượng tối thiểu được chỉ định, hoặc thị trường giao dịch vượt quá phạm vi trong một số ngày tối thiểu hoặc cả hai).

Phạm vi giao dịch thường có thể kéo dài trong nhiều năm. Hình 4.1 cho thấy phạm vi giao dịch bốn năm của một cổ phiếu riêng lẻ, trong khi Hình 4.2 mô tả một phần của phạm vi giao dịch nhiều năm trong Chỉ số Trung bình Công nghiệp Dow Jones trước thị trường giá lên của những năm 1980 và 1990. (Tập hợp các đường ngắn hơn trong Hình 4.2 làm nổi bật phạm vi giao dịch thậm chí còn chặt chẽ hơn sau mức thấp nhất của thị trường chứng khoán năm 1974.) Hình 4.3 và 4.4 cho thấy phạm vi giao dịch nhiều năm trên thị trường gỗ xẻ. Lưu ý trong hai hình minh họa sau này rằng các khoảng thời gian giao dịch sẽ khác nhau trong các biểu đồ tương lai gần nhất và liên tục, mặc dù thường sẽ có một số điểm chồng chéo đáng kể.

Khi một phạm vi giao dịch được thiết lập, ranh giới trên và dưới có xu hướng xác định *hỗn và sức chống cự* khu vực. Chủ đề này được thảo luận chi tiết hơn ở phần sau của chương. Điểm đột phá từ các phạm vi giao dịch có thể cung cấp các tín hiệu giao dịch quan trọng—một quan sát là chủ đề của phần tiếp theo.

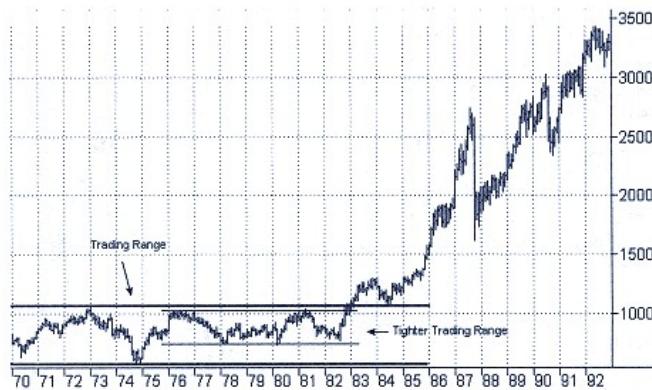
Phạm vi giao dịch đột phá

MỘT *đột phá* từ một phạm vi giao dịch (ví dụ, xem Hình 4.5 và 4.6) cho thấy giá sắp xảy ra di chuyển theo hướng phá vỡ. Tâm quan trọng và độ tin cậy của một đột phá thường được tăng cường bởi các yếu tố sau:

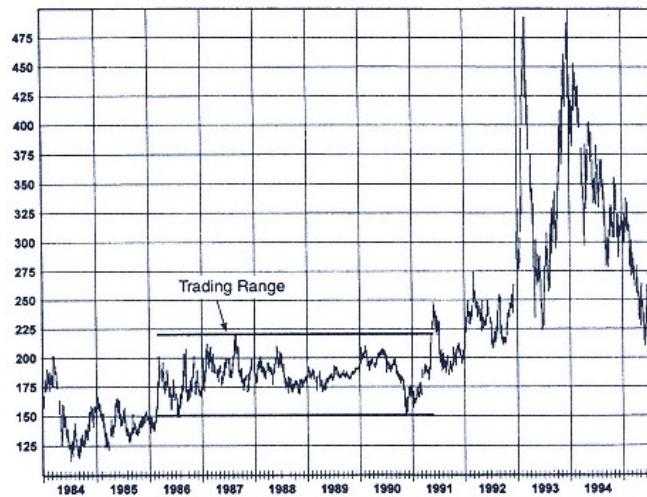


Hình 4.1

Phạm vi giao dịch nhiều năm: Sun Microsystems. Biểu đồ được tạo bằng TradeStation® của Omega Research, Inc.



Hình 4.2
Phạm vi giao dịch nhiều năm: Dow Industrials. Biểu đồ được
tạo bằng TradeStation® của Omega Research, Inc.



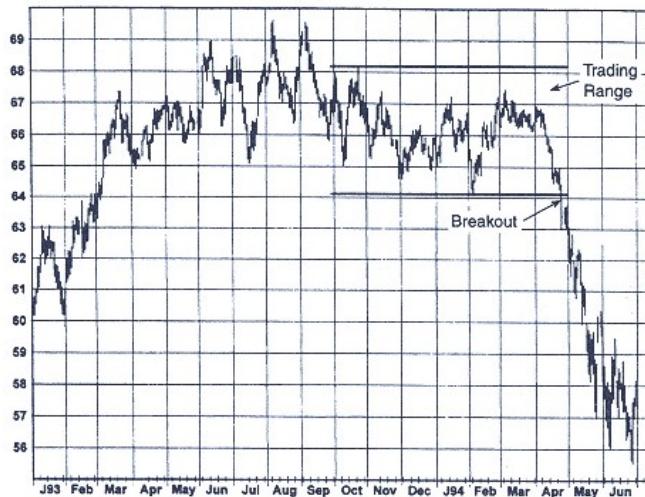
Hình 4.3
Phạm vi giao dịch nhiều năm: gỗ xẻ tương lai gần nhất.



Hình 4.4
Phạm vi giao dịch nhiều năm: hợp đồng tương lai liên tục của gỗ xẻ.



Hình 4.5
Đột phá tăng giá từ phạm vi giao dịch: Biểu đồ 3Com Corp.
được tạo bằng TradeStation® bởi Omega Research, Inc.

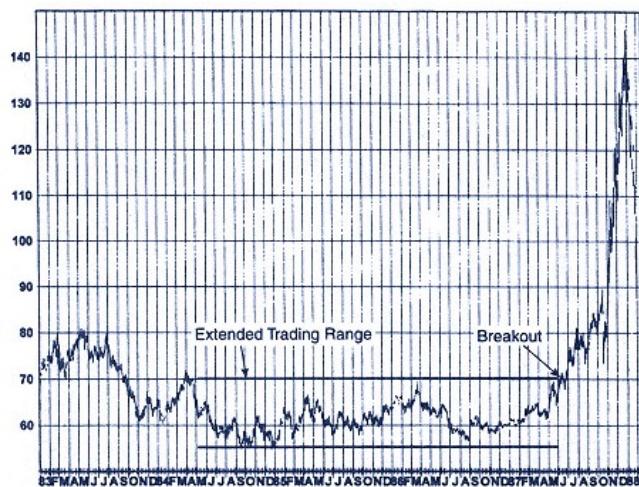


Hình 4.6
Đột phá giảm từ phạm vi giao dịch: hợp đồng tương lai giá súc liên tục.

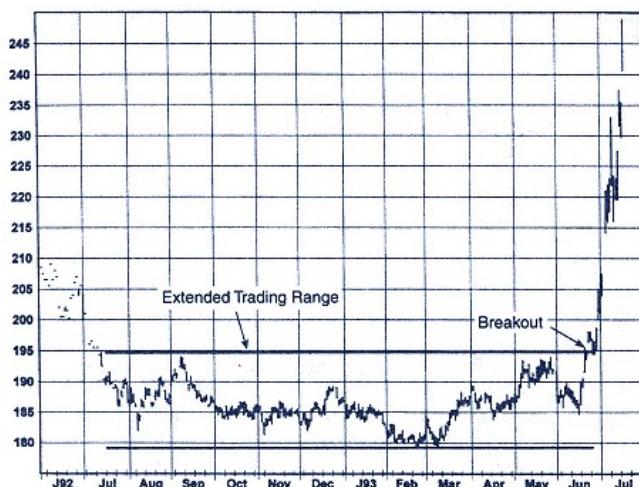
1. Thời hạn của phạm vi giao dịch. Khoảng thời gian của một phạm vi giao dịch càng dài thì khả năng đột phá cuối cùng càng có ý nghĩa. Điểm này được minh họa bằng ví dụ về biểu đồ hàng tuần trong Hình 4.7 và ví dụ về biểu đồ hàng ngày trong Hình 4.8.

2. Độ hẹp của phạm vi. Các đột phá từ phạm vi hẹp có xu hướng cung cấp các tín hiệu giao dịch đặc biệt đáng tin cậy (xem Hình 4.9 và 4.10). Hơn nữa, những giao dịch như vậy có thể đặc biệt hấp dẫn vì điểm dừng có ý nghĩa nguy ý rủi ro đồng đô la tương đối thấp.

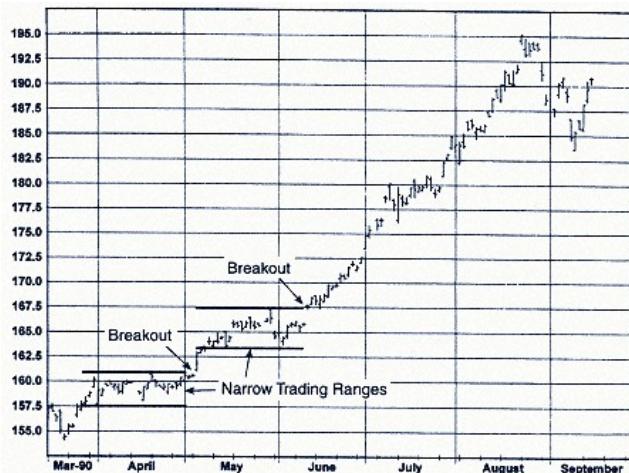
3. Xác nhận Breakout: Việc giá thoát ra khỏi phạm vi giao dịch chỉ một lượng nhỏ hoặc chỉ trong vài ngày, sau đó quay trở lại phạm vi là điều khá phổ biến. Một lý do cho điều này là các lệnh dừng thường được nhóm lại trong khu vực ngoài phạm vi giao dịch. Do đó, việc di chuyển hơi vượt ra ngoài phạm vi đôi khi có thể kích hoạt một chuỗi các điểm dừng. Khi một loạt các đơn đặt hàng ban đầu này được lấp đầy, đột phá sẽ thất bại trừ khi có những lý do cơ bản vững chắc và lực mua cơ bản (hoặc



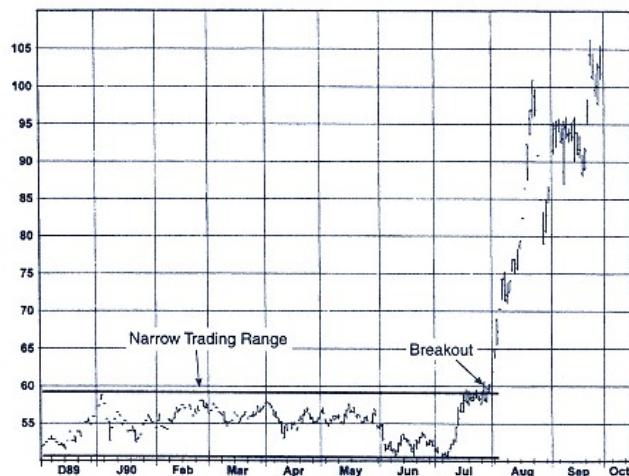
Hình 4.7
Đột phá tăng giá từ phạm vi giao dịch mở rộng: hợp đồng tương lai gần nhất của đồng.



Hình 4.8
Đột phá tăng giá từ phạm vi giao dịch mở rộng: bữa ăn tháng 7 năm 1993.



Hình 4.9
Đột phá tăng giá từ phạm vi giao dịch hẹp: Tháng 9 năm 1990 Bảng Anh.



Hình 4.10
Đột phá đi lên từ phạm vi giao dịch hẹp: khí không chì tháng 10 năm 1990.

bán trên cao trong trường hợp đột phá giảm giá) để duy trì xu hướng.

Theo quan điểm của những cân nhắc về hành vi này, độ tin cậy của việc phá vỡ phạm vi giao dịch như một tín hiệu cho một xu hướng sắp xảy ra sẽ được cải thiện đáng kể nếu giá vẫn nằm ngoài phạm vi sau một số ngày (ví dụ: năm). Các loại xác nhận khác cũng có thể được sử dụng—sự thâm nhập tối thiểu, cho trước số lượng/lực *đã* ngày (đã thảo luận trong Chương 5), v.v. Mặc dù chờ đợi xác nhận sau khi phá vỡ sẽ dẫn đến việc lấp đầy một số tín hiệu hợp lệ tồi tệ hơn, nhưng nó sẽ giúp tránh được nhiều tín hiệu sai. Số dư ròng của sự đánh đổi này sẽ phụ thuộc vào điều kiện xác nhận được sử dụng và phải được đánh giá bởi từng nhà giao dịch. Tuy nhiên, điểm mấu chốt là nhà giao dịch nên thử nghiệm các điều kiện xác nhận khác nhau, thay vì mù quáng chạy theo tất cả các điểm phá vỡ. Lời khuyên này có lẽ thậm chí còn có giá trị hơn vào thời điểm hiện tại (1998) so với một thập kỷ trước, vì việc sử dụng phân tích kỹ thuật ngày càng nhiều dưỡng như đã dẫn đến tần suất xuất hiện các điểm phá vỡ giả tăng lên.

Hỗ trợ và kháng cự

Khi một phạm vi giao dịch được thiết lập (ít nhất một đến hai tháng giá đi ngang), giá sẽ có xu hướng gặp ngưỡng kháng cự ở đầu trên của phạm vi và hỗ trợ ở đầu dưới của phạm vi. Sau khi giá thoát ra khỏi một phạm vi giao dịch, việc giải thích hỗ trợ và kháng cự sẽ được thay đổi. Cụ thể, một khi giá chứng kiến sự bứt phá bền vững trên một phạm vi giao dịch, ranh giới trên của phạm vi đó sẽ trở thành vùng hỗ trợ giá. Các đường mở rộng trong Hình 4.11 và 4.12 chỉ ra các mức hỗ trợ được ngụ ý bởi các ranh giới trên của các phạm vi giao dịch trước đó. Trong trường hợp đột phá bền vững bên dưới một phạm vi giao dịch, ranh giới dưới của phạm vi đó sẽ trở thành vùng kháng cự. Các đường kéo dài trong Hình 4.13 và 4.14 chỉ ra các mức kháng cự được ngụ ý bởi các ranh giới dưới của các phạm vi giao dịch trước đó.

Mức cao và mức thấp chính trước đó

Thông thường, mức kháng cự sẽ gặp phải ở vùng lân cận của mức cao chính trước đó và mức hỗ trợ ở vùng lân cận của mức thấp chính. Mỗi Hình 4.15, 4.16 và 4.17 minh họa cả hai kiểu hành vi. Ví dụ, trong Hình 4.15 lưu ý rằng đỉnh chính năm 1988 hình thành ngay bên dưới đỉnh năm 1985, trong khi đáy năm 1989 cung cấp một mức hỗ trợ giữ cả hai mức đáy năm 1991 và 1992.



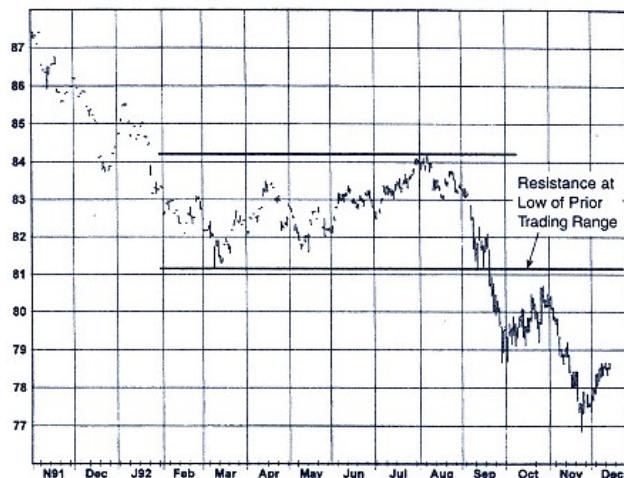
Hình 4.11

Hỗ trợ gần đầu phạm vi giao dịch trước đó: Hitachi. Biểu đồ được tạo bằng TradeStation® của Omega Research, Inc.



Hình 4.12

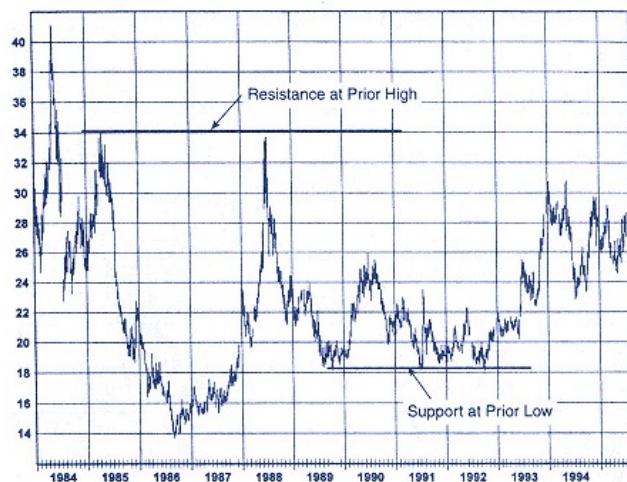
Hỗ trợ gần định của phạm vi giao dịch trước đó: dầu đậu nành tháng 12 năm 1993.



Hình 4.13
Mức kháng cự gần đáy của phạm vi giao dịch trước đó: Đô la Canada tháng 12 năm 1992.



Hình 4.14
Mức kháng cự gần đáy của phạm vi giao dịch trước đó: hợp đồng tương lai liên tục của khí không khí.



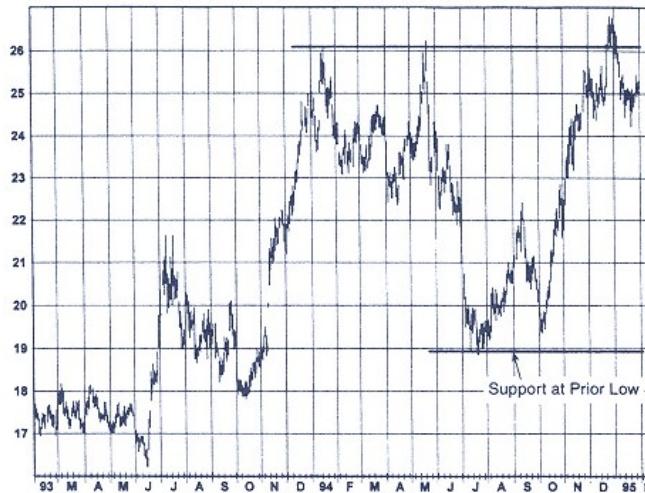
Hình 4.15

Kháng cự ở mức cao trước đó và hỗ trợ ở mức thấp trước đó: dầu đậu tương tương lai gần nhất.



Hình 4.16

Kháng cự ở mức cao trước đó và hỗ trợ ở mức thấp trước đó: lúa mì tương lai gần nhất.



Hình 4.17

Kháng cự ở mức cao trước đó và hỗ trợ ở mức thấp trước đó: dấu hiệu tương đương liên tục.

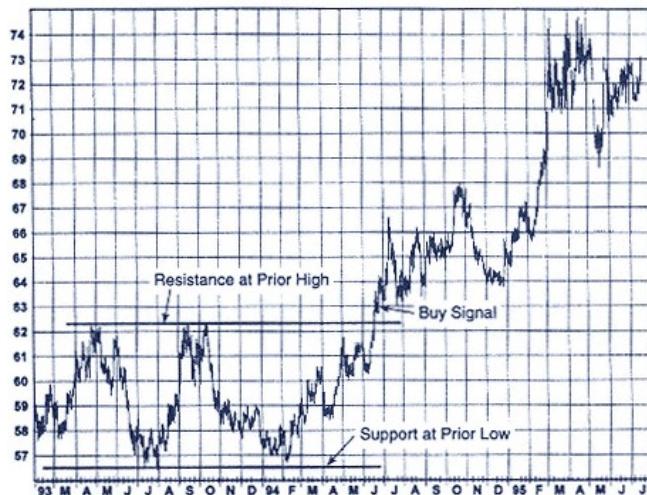
Trong Hình 4.16, đáy cuối năm 1990 nằm ngay dưới đáy năm 1986, trong khi mức đảo chiều năm 1992 hình thành ngay trên đỉnh đầu năm 1989. Mặc dù khái niệm về mức kháng cự gần các đỉnh trước đó và mức hỗ trợ gần các mức thấp trước đó có lẽ là quan trọng nhất đối với các biểu đồ hàng tuần, chẳng hạn như Hình 4.15 và 4.16, nhưng nguyên tắc này cũng áp dụng cho các biểu đồ hàng ngày, chẳng hạn như Hình 4.17. Trong biểu đồ sau này, hãy lưu ý rằng sự đảo ngược giá vào tháng 5 năm 1994 và tháng 12 năm 1994 xảy ra ngay phía trên đỉnh tháng 1 năm 1994, trong khi mức thấp tháng 10 năm 1994 hình thành ngay trên mức thấp tháng 7 năm 1994 một chút.

Cần nhấn mạnh rằng mức cao trước đó không ngụ ý rằng các đợt phục hồi tiếp theo sẽ thất bại tại hoặc dưới điểm đó, mà đúng hơn là mức kháng cự có thể được dự đoán trong vùng lân cận chung của điểm đó. Tương tự, mức thấp trước đó không ngụ ý rằng các đợt giảm giá tiếp theo sẽ giữ ở mức hoặc cao hơn điểm đó, mà đúng hơn là mức hỗ trợ có thể được dự đoán trong vùng lân cận chung của điểm đó. Một số nhà phân tích kỹ thuật coi các mức cao và thấp trước đó là các điểm có ý nghĩa bất khả xâm phạm. Nếu mức cao trước đó của một cổ phiếu là 65, thì họ coi 65 là mức kháng cự chính và nếu, chẳng hạn, thị trường phục hồi lên 66, thì họ coi mức kháng cự đó đã bị phá vỡ. Thật vô nghĩa. Hỗ trợ và kháng cự nên được coi là các khu vực gần đúng, không phải là trước

điểm cắt. Lưu ý rằng mặc dù các đỉnh và đáy chính trước đó tỏ ra rất quan trọng với vai trò là mức kháng cự và hỗ trợ trong cả ba biểu đồ—Hình 4.15, 4.16 và 4.17—chỉ trong Hình 4.15, các đợt tăng giá và phá vỡ sau đó mới thực sự đảo ngược tại hoặc trước khi đạt đến các điểm này. Loại hành động giá được biểu thị bằng các biểu đồ này là khá điển hình.

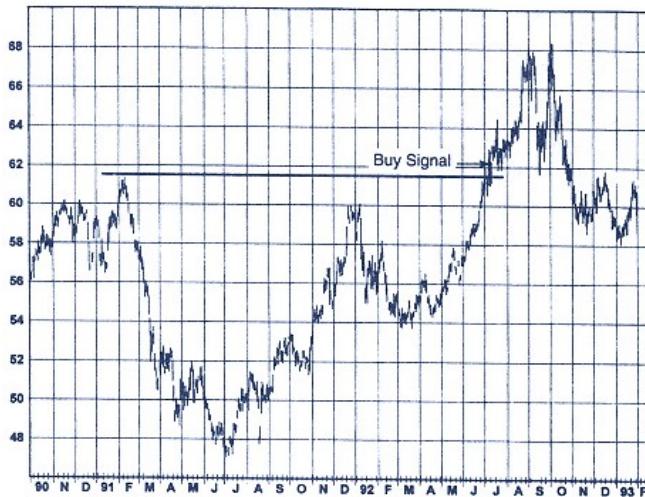
Sự xuyên thủng của mức cao trước đó có thể được coi là tín hiệu mua và sự xuyên thủng của mức thấp trước đó có thể được xem là tín hiệu bán. Tuy nhiên, tương tự như trường hợp phá vỡ các phạm vi giao dịch, việc xuyên qua các mức cao và thấp phải có ý nghĩa quan trọng xét về độ lớn của giá, khoảng thời gian hoặc cả hai, để được coi là tín hiệu giao dịch. Ví dụ, như đã rõ sau phần thảo luận trước đó về Hình 4.16 và 4.17, một khoảng thời gian (một ngày đối với biểu đồ hàng ngày, một tuần đối với biểu đồ hàng tuần) mức thâm nhập khiêm tốn của mức cao hoặc mức thấp trước đó sẽ không chứng minh được điều gì. Cần phải có một xác nhận mạnh mẽ hơn so với sự xâm nhập đơn thuần của mức cao hoặc mức thấp trước đó trước khi cho rằng một sự kiện như vậy đại diện cho tín hiệu mua hoặc bán. Một số ví dụ về các điều kiện xác nhận có thể bao gồm số lần đóng cửa tối thiểu vượt quá mức cao hoặc thấp trước đó,

Hình 4.18 và 4.19 minh họa sự xuyên thủng của các đỉnh trước đó khi



Hình 4.18

Sự thâm nhập của mức cao trước đó dưới dạng tín hiệu mua: tương lai liên tục đánh dấu deutsche.



Hình 4.19

Sự thâm nhập của mức cao trước đó dưới dạng tín hiệu mua: tương lai liên tục đánh dấu deutsche.

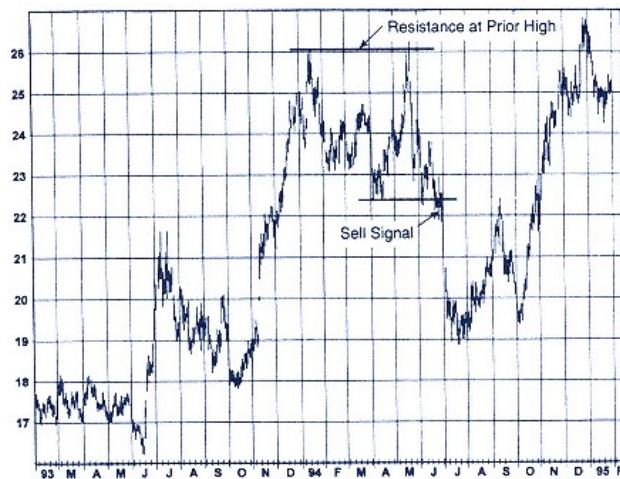
tín hiệu mua, giả sử điều kiện xác nhận là ba lần đóng cửa trên mức cao. Tương tự, Hình 4.20 và 4.21 cung cấp các ví dụ về sự xuyên thủng các mức thấp trước đó dưới dạng tín hiệu bán, sử dụng một điều kiện xác nhận tương tự. Natürlich, hãy lưu ý rằng Hình 4.18 cũng cung cấp một ví dụ điển hình về mức cao trước đó đóng vai trò là mức kháng cự (trước khi nó thực sự bị xuyên thủng) và mức giữ mức thấp trước đó đóng vai trò là mức hỗ trợ, trong khi Hình 4.21 đưa ra một ví dụ cổ điển về mức cao trước đó đại diện cho mức kháng cự chính.

Sau khi xuyên qua mức cao hoặc mức thấp trước đó một cách bền vững, khu vực của mức cao trước đó trở thành hỗ trợ và khu vực của mức thấp trước đó trở thành mức kháng cự. Ví dụ, trong Hình 4.22, mô phỏng lại Hình 4.19, mức cao tháng 2 năm 1991, bị xuyên thủng vào tháng 7 năm 1992, được giữ thành công như một vùng hỗ trợ tại mức thấp tháng 9 năm 1992. Mức thấp nhất trong tháng 9, sau đó bị xuyên thủng vào tháng 10, sau đó chứng tỏ là một vùng kháng cự ngăn chặn sự phục hồi vào cuối tháng 11 - đầu tháng 12. Trong Hình 4.23, mô phỏng lại Hình 4.20, mức thấp năm 1987, bị xuyên thủng vào năm 1989, chứng tỏ là một vùng kháng cự mạnh bắt nguồn từ các nỗ lực phục hồi lặp đi lặp lại vào năm 1990 và 1991. (Xin lưu ý rằng biểu đồ này cũng cung cấp một ví dụ tuyệt vời về mức kháng cự ở mức cao trước đó, với cuộc biểu tình lớn năm 1994)



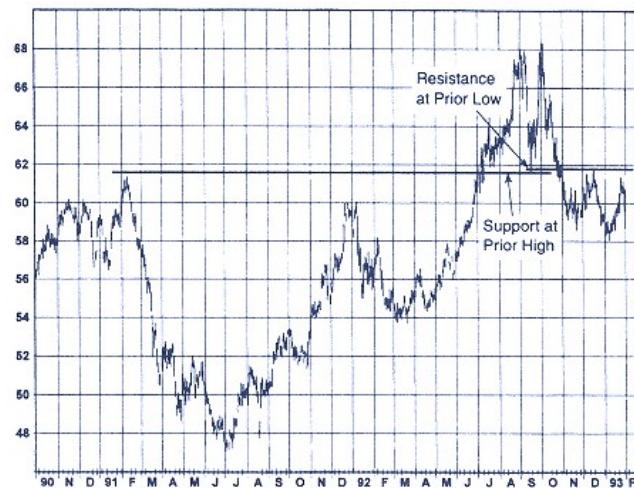
Hình 4.20

Sự thâm nhập của mức thấp trước đó là tín hiệu bán: cà phê kỳ hạn gần nhất.



Hình 4.21

Sự thâm nhập của mức thấp trước đó là tín hiệu bán: dầu đậu tương tương lai liên tục.



Hình 4.22

Hỗ trợ ở mức cao tương đối trước đó và kháng cự ở mức thấp tương đối trước đó: nhãn hiệu deutsche
tương lai liên tục.



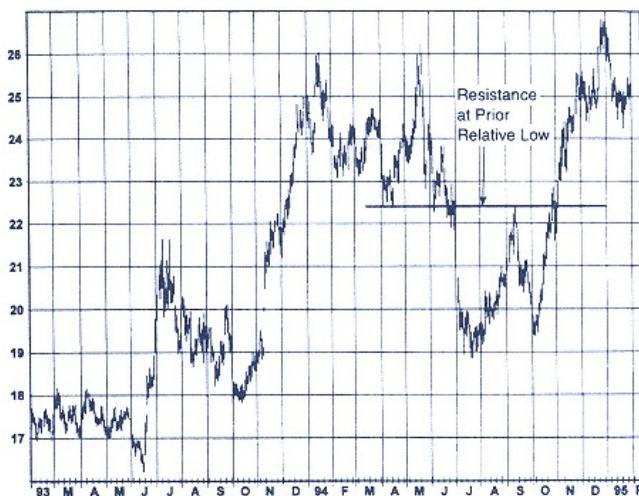
Hình 4.23

Kháng cự ở mức thấp tương đối trước đó: cà phê kỳ hạn gần nhất.

chỉ chững lại dưới mức đỉnh đầu năm 1986 một chút.) Cuối cùng, trong Hình 4.24, mô phỏng lại Hình 4.21, mức thấp tháng 4 năm 1994, bị xuyên thủng vào tháng 6, chứng tỏ là một vùng kháng cự chính dẫn đến sự đảo chiều giá vào tháng 9.

Nồng độ của mức cao tương đối và mức thấp tương đối

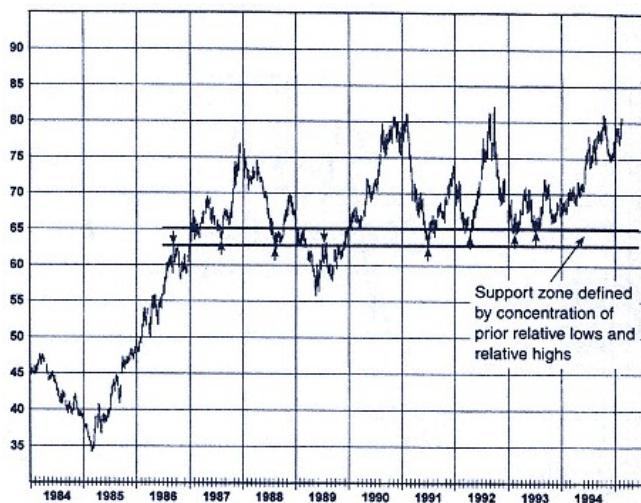
Phần trước đề cập đến hỗ trợ và kháng cự tại các mức cao và thấp chính trước đó—các đỉnh và đáy đơn lẻ. Trong phần này, chúng ta quan tâm đến hỗ trợ và kháng cự trong các vùng giá với sự tập trung của mức cao tương đối và mức thấp tương đối hơn là đỉnh và đáy tuyệt đối. Cụ thể, thường có xu hướng các mức cao tương đối và mức thấp tương đối tập trung ở các vùng tương đối hẹp. Các vùng này ngụ ý các vùng hỗ trợ nếu giá hiện tại cao hơn và các vùng kháng cự nếu



Hình 4.24
Kháng cự ở mức tương đối thấp trước đó: dầu đậu tương tương lai liên tục.

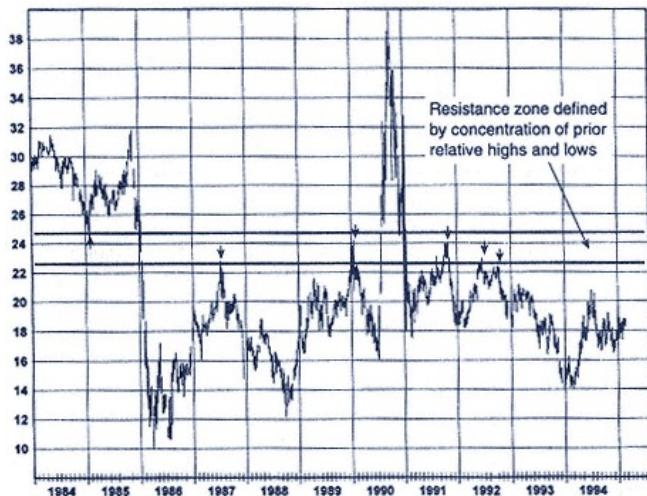
giá hiện tại thấp hơn. Cách tiếp cận này đặc biệt hữu ích để dự đoán các vùng hỗ trợ và kháng cự trong các biểu đồ dài hạn. Hình 4.25 cung cấp một ví dụ biểu đồ hàng tuần về mức hỗ trợ gấp phải ở mức tập trung trước đó của mức thấp tương đối và mức cao tương đối. Hình 4.26 cung cấp một ví dụ biểu đồ hàng tuần về mức kháng cự gấp phải ở mức tập trung trước đó của mức cao tương đối và mức thấp tương đối.

Cách tiếp cận sử dụng nồng độ của các mức cao và thấp tương đối trước đó để xác định hỗ trợ và kháng cự cũng có thể được áp dụng cho các biểu đồ hàng ngày có đủ thời gian (ví dụ: hai năm). Ví dụ, Hình 4.27 và 4.28 hiển thị biểu đồ hợp đồng tương lai liên tục hàng ngày (hầu hết các biểu đồ hợp đồng riêng lẻ đều quá ngắn để áp dụng phương pháp này một cách hiệu quả) và biểu đồ chứng khoán hàng ngày với các vùng kháng cự được xác định bởi các mức cao và thấp tương đối trước đó.



Hình 4.25

Vùng hỗ trợ được xác định bởi mức độ tập trung của mức thấp và mức cao tương đối trước đó:
 đồng franc Thụy Sĩ tương lai gần nhất. Lưu
 ý: = tương đối thấp; = tương đối cao.

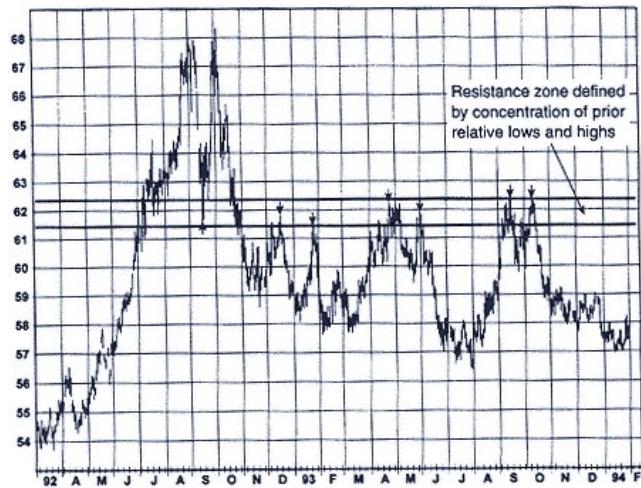


Hình 4.26

Vùng kháng cự được xác định bởi mức độ tập trung của các mức cao và thấp tương đối trước đó:
dâu thô tương lai gần nhất. Lưu ý: =
tương đối thấp; = tương đối cao.

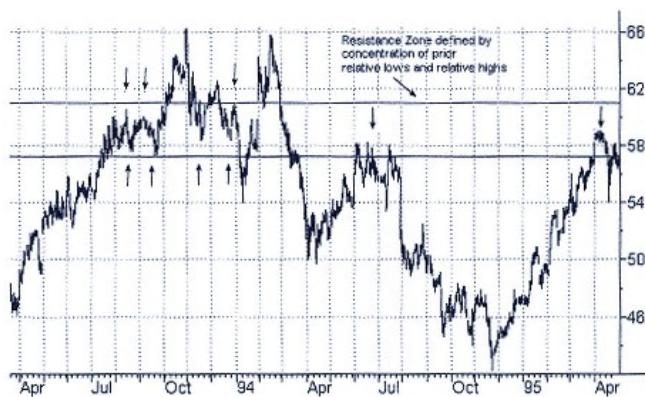
Dải giá phong bì

Một phương pháp khác để xác định các mức hỗ trợ và kháng cự là *bên đệm phong bì giá*, được bắt nguồn từ một đường trung bình động. Ranh giới trên của dải phong bì giá được định nghĩa là đường trung bình động cộng với một phần trăm nhất định của đường trung bình động. Tương tự, ranh giới dưới của dải phong bì giá được định nghĩa là đường trung bình động trừ đi một phần trăm nhất định của đường trung bình động. Ví dụ: nếu giá trị trung bình động hiện tại trên biểu đồ chứng khoán là 100 và giá trị phần trăm được xác định là 3%, thì giá trị dải trên sẽ là 103 và giá trị dải dưới sẽ là 97. Bằng cách chọn ranh giới phần trăm thích hợp cho một giá trị nhất định đường trung bình động, một dải bao có thể được xác định sao cho nó bao gồm hầu hết hoạt động giá, với ranh giới trên xấp xỉ trùng với



Hình 4.27

Vùng kháng cự được xác định bởi mức độ tập trung của các mức cao và thấp tương đối trước đó:
deutsche mark tương lai liên tục. Lưu ý:
= tương đối thấp; = tương đối cao.



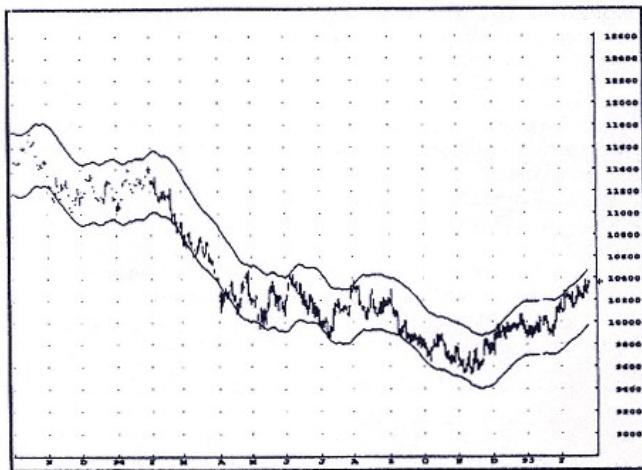
Hình 4.28

Vùng kháng cự được xác định bởi nồng độ của tương đối trước
thẳng trâm: Cuộc sống Aetna.
Biểu đồ được tạo bằng TradeStation® của Omega Research, Inc.

với mức cao tương đối và ranh giới dưới xấp xỉ trùng với mức thấp tương đối.

Hình 4.29 minh họa biên độ bao giá cho hợp đồng Tbond tháng 3 năm 1994 sử dụng đường trung bình động 20 ngày và giá trị 2,5%. Có thể thấy, đường bao giá cung cấp một dấu hiệu tốt về các mức hỗ trợ và kháng cự. Một cách khác để diễn đạt cùng một khái niệm là đường bao giá biểu thị *mua quá nhiều và quá bán* độ (xem Chương 6). Các dải phong bì giá cũng có thể được áp dụng cho dữ liệu ngoài khoảng thời gian hàng ngày. Ví dụ: Hình 4.30 minh họa biên độ phong bì giá 1,2% được áp dụng cho các thanh 90 phút cho cùng một thị trường được minh họa trong Hình 4.29 (nhưng tất nhiên là trong khoảng thời gian ngắn hơn). Dải Bollinger là một phiên bản nổi tiếng của dải phong bì giá; chúng chỉ đơn giản là cộng và trừ phép tính độ lệch chuẩn thay vì phép tính tỷ lệ phần trăm từ đường trung bình động.

Tuy nhiên, cần lưu ý rằng phong bì giá không phải là một công cụ hiệu quả như vé bě ngoài của nó. Mặc dù nó cung cấp một dấu hiệu khá tốt về thời điểm thị trường có thể sắp đến một điểm ngoặt, trong thời gian cũ



Hình 4.29
Dải bao giá là dấu hiệu hỗ trợ và kháng cự trong biểu đồ thanh hàng ngày: tháng 3
Trái phiếu 1995.
Nguồn: FutureSource;
bản quyền © 1986-1994; bảo lưu mọi quyền.



Hình 4.30
Dải bao giá là dấu hiệu hỗ trợ và kháng cự trong biểu đồ thanh 90 phút:
Tháng 3 năm 1995 Tbond.
Nguồn: FutureSource;
bản quyền © 1986–1994; bảo lưu mọi quyền.

xu hướng có xu hướng giá có thể tiếp tục ôm một đầu của phong bì giá. Ví dụ, mô hình này được thể hiện rõ trong Hình 4.29 trong giai đoạn cuối tháng 2 đến tháng 4 năm 1994. Trong thời gian này, đường bao giá liên tục gợi ý rằng giá đã bị bán quá mức, trong khi giá tiếp tục trượt xuống thấp hơn. Vì vậy, mặc dù đúng là các chuyển du ngoạn giá vượt ra ngoài phạm vi đường bao giá có xu hướng bị hạn chế và tạm thời, nhưng thực tế là giá ở gần một trong các ranh giới của đường bao không nhất thiết có nghĩa là một bước ngoặt giá sắp xảy ra. Nhìn chung, đường bao giá cung cấp một phương pháp đánh giá các vùng hỗ trợ và kháng cự tiềm năng, nhưng về mặt danh nghĩa, nó không thể sai lầm.

Chương 5- Mẫu biểu đồ

Đừng bao giờ nhầm lẫn sự xuất sắc với một thị trường giá lên.

—Paul Rubin

Khi mọi người nghĩ về phân tích kỹ thuật, đầu tiên họ thường nghĩ đến các mẫu biểu đồ trực quan nổi tiếng như vai đầu vai, hình tam giác, cờ hiệu, khoảng trống, v.v. Các mẫu như vậy—cho dù chúng bao gồm một thanh hay vài chục thanh—gợi ý các loại hành vi giá khác nhau tùy thuộc vào bối cảnh thị trường cụ thể của chúng. Chương này sẽ thảo luận không chỉ về cấu trúc của các mẫu biểu đồ mà còn về các yếu tố ảnh hưởng đến việc diễn giải và ứng dụng chúng.

Mô hình một ngày

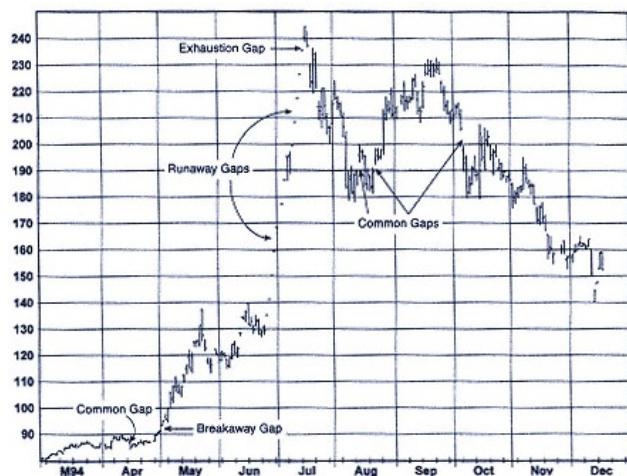
khoảng cách

MỘT *khoảng cách* là ngày mà mức thấp cao hơn mức cao của ngày hôm trước hoặc mức cao thấp hơn mức thấp của ngày hôm trước. Có bốn loại khoảng cách cơ bản:

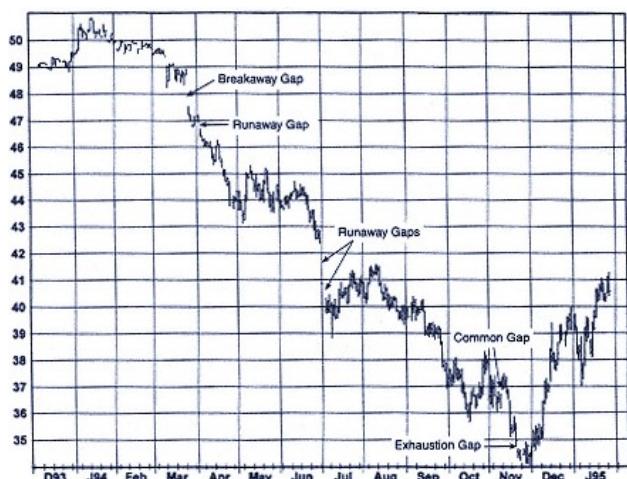
1. Khoảng cách chung. Loại khoảng trống này xảy ra trong phạm vi giao dịch và không đặc biệt quan trọng. Hình 5.1, 5.2 và 5.3 cho thấy một số khoảng trống phổ biến xuất hiện trong các biểu đồ này.

2. Khoảng cách ly khai. Loại khoảng cách này xảy ra khi giá tăng vượt quá mức cực đoan của phạm vi giao dịch, để lại một khu vực không có hoạt động giao dịch nào xảy ra (xem Hình 5.1 và 5.2). Khoảng cách ly khai không được lấp đầy trong vòng vài ngày là một trong những tín hiệu biểu đồ quan trọng và đáng tin cậy nhất.

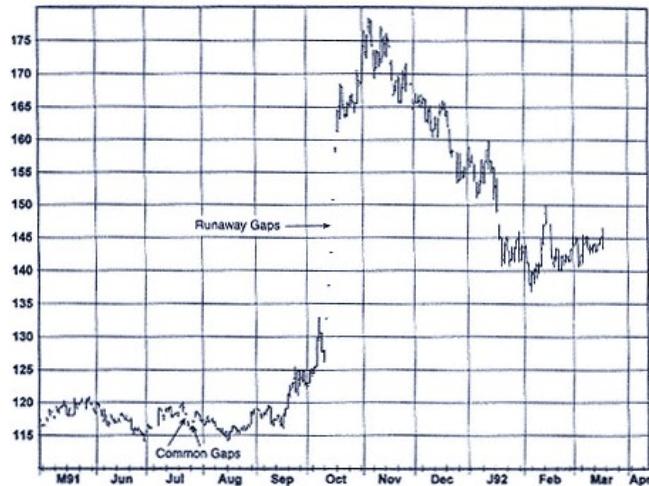
3. Khoảng cách chạy trốn. Loại khoảng cách này xảy ra khi một xu hướng tăng tốc và là một đặc điểm của thị trường giá lên và giá xuống mạnh. TRONG



Hình 5.1
Chênh lệch giá: cà phê tháng 12 năm 1994.



Hình 5.2
Khoảng trống giá: Tháng 2 năm 1995 lợn hơi.



Hình 5.3

Chênh lệch giá: FCOJ tháng 3 năm 1992.

thị trường giá lên và giá xuống đặc biệt mạnh mẽ, một loạt các khoảng trống giá có thể xảy ra trong những ngày liên tiếp (xem Hình 5.1, 5.2 và 5.3).

4. Khoảng cách kiệt sức. Loại khoảng cách này xảy ra sau một đợt di chuyển giá kéo dài và ngay sau đó là sự đảo ngược xu hướng (xem Hình 5.1 và 5.2). Khoảng trống cạn kiệt nghe có vẻ giống như một tín hiệu kỹ thuật đặc biệt hữu ích cho đến khi người ta nhận ra rằng sự khác biệt giữa khoảng trống cạn kiệt và khoảng trống chạy trốn là nhận thức muộn màng. Tuy nhiên, trong một số trường hợp, khoảng trống cạn kiệt có thể được nhận ra ở thời điểm rất sớm trong xu hướng đảo chiều—xem phần thảo luận về *đảo ngược* trong phần có tiêu đề "Sự hình thành trên và dưới" ở phần sau của chương này.

gai

MỘT *tăng đột biến* là một ngày có mức cao cao hơn nhiều so với mức cao của những ngày trước đó và tiếp theo. Thông thường, giá đóng cửa vào một ngày cao đột biến sẽ ở gần mức thấp nhất của phạm vi giao dịch trong ngày. *Tăng đột biến* là

chỉ có ý nghĩa nếu nó xảy ra sau một đợt tăng giá, trong trường hợp đó, nó thường có thể biểu thị ít nhất là đỉnh điểm tạm thời trong áp lực mua và do đó có thể được coi là mức cao tương đối tiềm năng. Đôi khi mức tăng đột biến sẽ chứng tỏ là đỉnh chính.

Nói chung, tầm quan trọng của mức cao đột biến sẽ được tăng cường bởi các yếu tố sau:

- 1.Một sự khác biệt lớn giữa mức tăng đột biến và mức cao của những ngày trước đó và ngày tiếp theo.**
- 2.Đóng cửa gần mức thấp nhất trong ngày.**
- 3.Giá tăng đáng kể trước khi hình thành đột biến.**

Mỗi điều kiện này càng khắc nghiệt thì khả năng đỉnh đột biến chứng tỏ là đỉnh tương đối quan trọng hoặc thậm chí là đỉnh chính càng lớn.

Tương tự, một *tăng đột biến thấp* là một ngày có mức thấp thấp hơn nhiều so với mức thấp của những ngày trước đó và thành công. Thông thường, giá đóng cửa vào một ngày thấp đột biến sẽ ở gần mức cao nhất của phạm vi giao dịch trong ngày. Mức thấp tăng đột biến chỉ có ý nghĩa nếu nó xảy ra sau khi giá giảm, trong trường hợp đó, nó thường có thể biểu thị ít nhất là đỉnh điểm tạm thời của áp lực bán và do đó có thể được coi là mức thấp tương đối tiềm năng. Đôi khi mức tăng đột biến sẽ chứng tỏ là đáy chính.

Nói chung, tầm quan trọng của mức tăng đột biến thấp sẽ được tăng cường bởi các yếu tố sau:

- 1.Một sự khác biệt lớn giữa mức thấp của những ngày trước và ngày tiếp theo và mức thấp tăng đột biến.**
- 2.Đóng cửa gần mức cao nhất trong ngày.**
- 3.Một sự giảm giá đáng kể trước khi hình thành đột biến.**

Mỗi điều kiện trong số những điều kiện này càng khắc nghiệt thì khả năng mức tăng đột biến thấp sẽ chứng tỏ là mức thấp tương đối quan trọng hoặc thậm chí là đáy chính càng lớn.

Hình 5.4–5.6 chứa một số minh họa về mức tăng đột biến và mức thấp tăng đột biến. Hình 5.4 cho thấy một ví dụ về ba đỉnh đột biến xảy ra trong khoảng thời gian gần hai tháng, đỉnh đầu tiên xác định mức cao tương đối và hai đỉnh sau xảy ra gần với các đỉnh gần nhau và kết hợp để tạo thành một đỉnh chính. Mỗi Hình 5.5 và 5.6 chứa các ví dụ về cả mức cao tương đối và mức thấp tương đối được hình thành bởi các đỉnh.

Các mô tả trước đây về mức tăng đột biến và mức thấp nhất đã liệt kê ba đặc điểm cơ bản tiêu biểu cho những ngày như vậy. Tuy nhiên, định nghĩa của những điều kiện này là hơi không chính xác. Cụ thể phải tuyệt vời như thế nào